

THUYẾT VÔ CẤU XUNG KINH SỞ

QUYỂN 2 (PHẦN 2)

Kinh: *Vì sao?...*

Tán: Từ đây trở xuống là phần luận riêng, gồm có hai: Đầu tiên là hỏi; sau là luận bàn.

Đây là hỏi. Có nguyên do gì mà các cõi hữu tình này là cõi được trang nghiêm?

Kinh: *Này các thiện nam!... nghiêm tịnh cõi Phật*

Tán: Từ đây trở xuống gồm có năm lớp. Bản dịch xưa chỉ nêu bốn lớp, thiếu lớp thứ hai. Có thể hợp hai lớp của tân dịch thành một lớp của cựu dịch. Nói “Tùy thuận chúng sinh được hóa độ mà lãnh lấy cõi Phật”, về lý tuy cũng đồng mà nghĩa thật khó biết. Năm lớp được phân làm hai: Đầu tiên gồm hai lớp nói về việc tùy chúng sinh phát tâm tu hành, tức nhiếp chúng sinh kia để nghiêm tịnh cõi Phật. Sau gồm ba lớp luận về việc tùy chúng sinh đáng dùng cõi Phật nghiêm tịnh như thế mà được thành thực, tức liền nhiếp thọ cõi Phật như thế. Hoặc đầu tiên nhiếp chúng sinh ngoại phạm mà trang nghiêm biến hóa độ. Sau là nhiếp chúng sinh trước Thập địa mà trang nghiêm báo độ khác. Hoặc đầu tiên là nhiếp chúng sinh, sau là nhiếp hạnh. Hai nghĩa tuy khác nhưng đều dùng việc trang nghiêm cõi chúng sanh làm trang nghiêm cõi Phật. Trong đoạn đầu có hai lớp thứ nhất nói về chúng sinh sinh thiện liã ác, tức thuộc nghiêm tịnh, lớp sau nói về việc chúng sinh phát khởi phước tuệ, tức thuộc nghiêm tịnh. Hoặc đầu tiên nói về việc chúng sinh phát khởi tu hành tức thuộc nghiêm tịnh, sau nói chúng sinh phát khởi các công đức khác, tức thuộc nghiêm tịnh. Hoặc đầu tiên nói chúng sinh đặc lạc liã khổ tức thuộc nghiêm tịnh, sau nói chúng sinh tăng thiện diệt ác, tức thuộc nghiêm tịnh. Có ba phen luận nghĩa. Đây là văn đầu. Để tăng trưởng thì hoặc là sinh khởi thiện căn, hoặc là phát tâm, hoặc là đặc lạc; để được ích lợi thì hoặc là liã ác, hoặc là tu hành, hoặc là liã khổ. Bản dịch xưa ghi: “Tùy sở hóa chúng sinh mà giữ lấy cõi Phật”.

Tức hợp hai lớp đầu. Sở hóa chúng sinh tức là hữu tình được lợi ích.

Kinh: *Tùy các hữu tình... cõi Phật như thế.*

Tán: Đây là lớp thứ hai nói về việc tùy chúng sinh phát khởi phước tuệ mà khởi các công đức khác, tăng thiện giảm ác, tức nhiếp phục chúng sinh kia để nghiêm tịnh cõi Phật. Mỗi một đôi trước đều có ba phen giải thích nghĩa.

Kinh: *Tùy các hữu tình... cõi Phật như thế.*

Tán: Từ đây trở xuống có ba lớp nói về việc chúng sinh đáng dùng cõi Phật nghiêm tịnh như thế mà được thành thực, thì liền nhiếp thọ cõi Phật như thế. Ở đây có hai: Một lớp đầu là nói về việc tùy chúng sinh đáng dùng cõi Phật nghiêm tịnh như thế mà lìa được ác thì liền nhiếp thọ cõi này, một lớp sau là nói về việc tùy chúng sinh đáng dùng cõi Phật nghiêm tịnh như thế mà đạt được thiện, thì liền nhiếp thọ cõi Phật ấy. Đây là văn đầu tiên. Điều phục tức là điều hòa ngăn ngừa thân và ngữ nghiệp, chế phục diệt trừ các hoặc nghiệp. Đáng dùng cõi Phật nghiêm tịnh như thế, nghĩa là tu tất cả các thắng hạnh của Bồ-tát gọi là trang nghiêm tịnh độ, vì trang nghiêm tịnh độ nhân cho nên tu nhân gọi là nghiêm. Trong đó có nghĩa là, tùy theo chúng sinh đáng được dùng các diệu hạnh Bồ-tát như thế mà diệt được ác tức liền nhiếp thọ diệu hạnh Bồ-tát này. Như tự trì giới để điều phục kẻ ác. Nghiêm cõi Phật vốn là vì lợi sinh.

Kinh: *Tùy các hữu tình... cõi Phật như thế.*

Tán: Đoạn này có hai lớp nói về việc tùy chúng sinh mà đạt được thiện pháp, tức nhiếp cõi ấy. Gồm hai: Đầu tiên nói về người chưa đắc quả, tùy theo đó mà được quả thiện; kế đó nói về người chưa được nhân thì tùy theo đó mà được nhân thiện. Phật trí tức quả thiện; căn, hạnh của bậc Thánh là nhân thiện. Được Thánh căn là tâm Bồ-đề, được Thánh hạnh là hậu hạnh. Hoặc cho rằng Thánh căn là năm căn như tín...; Thánh hạnh tức là vạn hạnh khác. Hoặc cho rằng Thánh tức là Phật, Thánh căn tức hạnh, lấy hạnh làm căn bản mà đạt được Thánh căn. Hoặc cho rằng Thánh căn là tuệ vô lậu, Thánh hạnh là các nhân khác.

Kinh: *Vì sao?... công đức thanh tịnh.*

Tán: Đây là phần thứ ba giải thích nguyên do. Theo văn gồm có hai:

1. Giải thích nguyên do.
2. Nêu ví dụ.

Đây là văn đầu tiên. Trước hỏi sau đáp câu hỏi này có nghĩa là trước nói các cõi hữu tình là cõi Phật nghiêm tịnh của Bồ-tát, vậy có

nguyên do gì mà nay lại nói tùy các hữu tình tăng trưởng lợi ích mà nhiếp thọ chúng sinh kia để nghiêm tịnh cõi Phật. Đức Phật nói: “Thiện nam! Bồ-tát căn bản nhiếp thọ cõi Phật, nghiêm tịnh cõi Phật, tất cả chỗ làm, đều là để hữu tình tăng trưởng lợi ích, khởi các công đức thanh tịnh, mà không vì những gì khác, vì thế dùng sự tăng trưởng lợi ích hữu tình làm cõi Phật. Nếu các hữu tình không tăng trưởng lợi ích và vui khởi các công đức thanh tịnh, thì đó chẳng phải là chỗ giáo hóa của Phật, chẳng phải là Bồ-tát trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Bản dịch xưa lược đoạn văn này, ý cũng hơi khác.

Kinh: *Này các thiện nam... rốt cuộc chẳng thể thành tựu.*

Tán: Từ đây trở xuống là hiển ví dụ, gồm hai là dụ và hợp. Đây là dụ. Dụ này gồm có bốn: Nhân (người), đất trống, cung điện trang nghiêm và hư không. Trang nghiêm nghĩa là dùng báu vật mà trang hoàng. Nếu người không cất nhà cửa trên đất trống, mà cất nhà trong hư không thì rốt cuộc không thành tựu được.

Kinh: *Bồ-tát cũng như thế... tức liền nhiếp thọ cõi Phật như thế.*

Tán: Đây là hợp. Người dụ cho Bồ-tát, hư không dụ cho nhân pháp sở chấp không có thể, vì pháp là gốc chỉ nói pháp không. Đất trống dụ cho tánh y tha, tất cả hữu tình tạo lập cung điện trang nghiêm là dụ cho hữu tình tăng trưởng lợi ích, phát sinh công đức thanh tịnh, chứng viên thành thật, tức liền nhiếp thọ cõi Phật ấy.

Kinh: *Nhiếp thọ cõi Phật như thế, nghĩa là chẳng phải nơi hư không.*

Tán: Trừ Bồ-tát ra, thì tất cả hữu tình đối với pháp không vô mà họ chấp trước để nhiếp thọ cõi Phật thì đều không thành, trái lại nếu ở nơi y tha, thì hữu tình tăng trưởng lợi ích, phát sinh công đức thanh tịnh, chứng viên thành thật.

Kinh: *Lại nữa, Bảo Tánh... sinh sang nước kia.*

Tán: Đây trở xuống là đoạn thứ hai đáp về nhân nghiêm tịnh. Gồm hai: Đầu tiên trả lời về nhân nghiêm, sau từ câu: “Thiện nam! Bồ-tát! Như thế, tùy phát tâm Bồ-đề...” trở xuống là hiển thị nhân tịnh độ và lợi ích của chỗ thực hành. Nay có mười tám hạnh nghiêm tịnh cõi Phật, bản xưa chỉ có mười bảy, không có hạnh thứ ba. Trong mười tám lần này được chia làm bảy loại: Bốn loại đầu như văn đã nói, tức hợp sáu độ gọi là ngừng dứt các chướng; bốn Vô lượng tâm, bốn Nhiếp sự, xảo phương tiện, Bồ-đề phần thì gọi chung là phát khởi thuyết; đoạn dứt cõi vô hà (không rãnh rỗi) tự giữ giới hạnh; thập thiện nghiệp đạo, ba pháp này gọi là tịch tĩnh. Tất cả đều có hai văn: Đầu tiên nêu nhân

hạnh, sau là hiển quả. Đây là phen thứ nhất. Nếu Bồ-tát phát khởi cõi tâm vô thượng, tức là trang nghiêm nhân tịnh độ ở đương lai. Kế câu văn trước nói các hữu tình, tức là cõi Phật nghiêm tịnh của Bồ-tát. Cho nên nói nơi tự phát tâm độ của Bồ-tát đó là nhân nghiêm, nội nhân đã như thế thì bên ngoài sẽ cảm được các hữu tình Đại thừa chưa sinh sang nước kia. Bản dịch xưa thì nơi hạnh thứ ba đại tâm Bồ-đề lấy năm căn làm thể, đại nguyện làm duyên, chẳng lui sụt làm sách tấn, còn các nghĩa khác như u tán đã nói.

Hỏi: Kinh Phật Địa nói nhân tịnh độ viên mãn hơn cả phát khởi thiện căn xuất thế gian, vì sao ở hội này nói phát tâm... là nhân tịnh độ.

Đáp: Đó là căn cứ theo nhân năng phản của chánh nhân, nhân dẫn dắt, chỉ lấy trí làm tánh; còn ở đây căn cứ theo việc chủ yếu là do vạn hạnh viên mãn mới cảm tịnh độ, cho nên phát tâm... là nhân tịnh độ, vì thế không trái nhau.

Kinh: *Thuần ý lạc độ... sinh sang nước kia.*

Tán: Đây là phen thứ hai. Phạm Hà-thế-da, Hán dịch là ý lạc, chẳng xen lẫn ác pháp nên gọi là thuần tịnh ý lạc. Vì ý lạc bên trong thuần thanh tịnh, cho nên những chúng sinh không tà vạy, không hư dối lầm lỗi sinh sang nước đó vì trong thuần thiện chất trực tu tập. Bản dịch xưa gọi trực tâm, thì thể của trực tâm thuần là ý lạc, không có si mê.

Kinh: *Thiện gia hạnh độ... sinh sang nước kia.*

Tán: Ý này bản xưa không có. Khéo tu phước tuệ gia công tu tập, cho nên gọi là thiện gia hạnh, vì thế những hữu tình phát sinh hạnh lành, những hữu tình giữ gìn chẳng bỏ hạnh lành đều được sinh sang. Gia hạnh lấy tuệ làm thể, hoặc chung với các thiện.

Kinh: *Thượng ý lạc độ... sinh sang nước kia.*

Tán: Thượng tức tăng thượng; phạm khi tu thiện thì phát khởi uy thế mạnh mẽ tăng tiến thì gọi là thượng ý lạc, cho nên các hữu tình đầy đủ thiện pháp sinh sang nước ấy. Bản dịch xưa nói là thâm tâm. Ý lạc tăng thượng mạnh mẽ cũng là thâm tâm, vậy nghĩa thì đúng mà văn thì quá giản lược.

Kinh: *Tu bố thí độ... sinh sang nước kia.*

Tán: Sáu độ ở đây, được gọi chung là ngừng dứt (chỉ tức), tức ngăn dứt các chướng, thể của nó như trước đã nói. Bố thí diệt trừ keo lậu, bên ngoài cảm được xả, trì giới trừ được tâm phạm điều dơ xấu, đây tức Thập thiện nghiệp đạo, cảm được hữu tình tu mười thiện sinh sang nước ấy. An nhẫn trừ sân nhuế, cho nên cảm được ba mươi hai

tướng trang nghiêm thân. Về ba mươi hai tướng thì văn sau sẽ biết. Do kham nhẫn được sự oán hại mà bên ngoài cảm được việc có thể kham nhẫn được các khổ. Do an thọ nhẫn mà bên ngoài cảm được hữu tình nhu hòa; do để sát nhẫn mà bên ngoài cảm được hữu tình vắng lặng sinh sang. Xưa chỉ nói chúng sinh đủ ba mươi hai tướng sinh sang, trái với lý ở đây. Tinh tấn (cần) trừ giải đãi, bên ngoài cảm được có thể biết. Định trừ tán loạn, bên ngoài cảm được hữu tình có chánh niệm, chánh định, chánh tri sinh sang. Do chánh niệm cho nên được định, do văn tư cho nên định sinh, hai tuệ văn và tư lấy chánh tri làm thể. Vả lại do niệm cho nên có định, do định cho nên tuệ sinh. Tuệ tức chánh tri. Bản xưa không ghi chánh niệm chánh tri. Tuệ trừ ngu si, nên cảm được hữu tình đã vào Thánh vị sinh sang. Người nhập chánh định, đạt được kiến đạo. Tự này có ba:

1. Chánh định tự tức vào kiến đạo.
2. Tà định tự, tức các hạng người tà kiến.
3. Bất định tự, trừ hai loại trên.

Nhập chánh định tức là vào chánh định của các bậc Thánh, cũng chung cho phàm phu. Tín định cũng gọi là chánh định, về lý không trái.

Kinh: *Bốn Vô lượng độ... sinh sang nước kia.*

Tán: Đây là phen thứ tư, gọi là phát khởi. Đã trừ chướng rồi thì phát khởi thiện căn. Ở đây được phân biệt làm năm môn để giải thích: Nêu tên, giải thích tên, luận về hành tướng, thể tánh, bàn về sai biệt.

Nêu tên: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Giải thích tên: Du-già mười hai ghi: “Duyên với cảnh vô lượng duyên khắp với tất cả hữu tình, mà khởi bốn tâm này. Khởi hạnh vô lượng, hành giải cũng rất rộng lớn cho nên cảm được quả vô lượng, được phước vô cùng thanh tịnh, thành Như Lai. Cho nên gọi là vô lượng; bốn là số, đây thuộc về Đối số thích: Luận về hành tướng, hữu tình trong pháp giới gồm có ba loại:

1. Không khổ không vui, không điên đảo mà ban vui gọi là từ lấy vô sân làm thể.
2. Có khổ, cứu khổ là bi, lấy bất hại làm thể.
3. Có vui, giúp đỡ thêm hỷ, lấy thiện căn chẳng tận làm thể.

Vả lại đối với hạng hữu tình không khổ vui thì khiến cho họ khởi tưởng xa lìa si mê. Đối với hữu tình có khổ, thì khởi tưởng lìa sân, đối với hữu tình có vui thì khởi tưởng lìa tham, bình đẳng muốn khiến cho họ xa lìa các ác, gọi đó là xả, vì khiến xả bỏ pháp ác, lấy thiện xả làm

thể. Luận về thể tánh. Nay lấy ba pháp làm thể là vô sân, bất hại và xả, luận về sai biệt: Gồm có ba:

1. Duyên với hữu tình thì khởi tướng về hữu tình.
2. Duyên với pháp, chẳng thấy hữu tình thì chỉ khởi tướng về pháp.
3. Đối với các pháp thì lia tâm phân biệt, khởi tướng về chân như gọi là duyên vô vi.

Trong ba pháp này thì pháp đầu tiên chung cho ngoại đạo, kế đến chung cho Nhị thừa, và pháp sau cùng chỉ riêng cho Bồ-tát. Ba pháp đầu là an lạc, một pháp sau là lợi ích. Cảm quả có thể biết được.

Kinh: *Bốn nhiếp sự độ... sinh sang nước kia.*

Tán: Pháp này được chia làm ba môn để giải thích: Giải thích tên, biện tướng trạng, nêu thể tánh.

Giải thích tên: Dùng bốn nhiếp này mà nhiếp thủ chúng sinh, khiến cho họ hưởng về Bồ-đề. Đạt được quả thù thắng, cho nên gọi là nhiếp sự.

Biện tướng trạng:

1. Bố thí, khác với bố thí Ba-la-mật, kia là cho người tài vật, còn đây thì sau lại nhiếp phục, cho nên khác.

2. Ái ngữ, tức thường nói những lời làm người vui thích tâm ý, chân thật như pháp, dẫn sinh yếu nghĩa, xa lìa sự giận dữ, bực tức, mỉm cười trước khi nói, sai bảo đến vấn an, tùy nghi an ủi, cho đến giải thích rộng, căn cứ theo bốn tịnh ngữ, tám Thánh ngữ...

3. Lợi hành, do ái ngữ, nên trước chỉ bày chánh lý, tùy chỗ học xứ, tâm bị không bị nhiễm khuyến răn điều phục. Kiến lập nơi ở an ổn khiến đạt được tài vật, xuất gia lìa dục, nhẹ nhàng giải thoát, cho đến giải thích rộng, tuy thọ khổ lớn nhưng tâm càng sinh hoan hỷ; tuy ở trong chốn giàu sang mà tự khuất mình, như nô như bộc, như Chiên-bà-la, như người con hiếu thảo... .

4. Đồng sự, dùng sự lợi ích này, nếu khuyến người tu học, chính mình cũng tự tu học, làm cho căn lành của người vững chắc, chẳng lui sụt. Vì thấy mình thực hành cho nên người càng thêm tiến tu. Vốn nhiếp phục chúng sinh khiến họ hưởng đến Bồ-đề, cho nên khi đắc quả, những hữu tình giải thoát đều sinh sang nước ấy.

Luận thể: Bố thí dùng ba nghiệp vô tham làm tánh, ái ngữ lấy ngữ nghiệp làm thể, lợi hành và đồng sự lấy ba nghiệp làm thể, hợp chung hai pháp làm tánh là vô tham và tư.

Kinh: *Xảo phương tiện độ... sinh sang nước kia.*

Tán: Xảo phương tiện tức là dụng của trí tuệ, gồm hai loại là hồi hướng và bạt tế (cứu giúp), tổng cộng có mười hai. Văn sau sẽ nói rõ. Do hai loại xảo là hồi hướng và bạt tế này mà khi đắc quả thì những hữu tình khéo quán các pháp sinh về, vì trí nhân nơi xảo phương tiện. Bản dịch xưa: “Đối với tất cả pháp đều có phương tiện vô ngại”, cũng thuộc về nghĩa “khéo quán”, dùng hậu đắc trí làm thể.

Kinh: *Tu ba mươi bảy Bồ-đề phân độ... sinh sang nước ấy.*

Tán: Ba mươi bảy pháp này được phân biệt thành năm môn:

1. Giải thích tên chung.
2. Nói về vị và số.
3. Nêu thể tánh.
4. Giai vị tu tập.
5. Hữu lậu vô lậu.

Giải thích tên chung: Bồ-đề là giác, là quả Phật được mong cầu; phần tức nhân, ba mươi bảy pháp này là nhân giác ngộ, cho nên gọi là Bồ-đề phân. Nói về vị và số: Gồm có bảy vị:

1. Niệm trụ, tức do niệm ghi nhớ rõ, thì tuệ trụ ở cảnh, lấy lân cận làm tên. Đây gồm có bốn loại là thân, thọ, tâm, pháp. Quán bốn tuệ này là thể của niệm trụ.

2. Chánh đoạn, cũng gồm bốn loại: Một là luật nghi đoạn tức là đã sinh pháp ác thì dùng phương tiện đoạn trừ; hai là đoạn đoạn, chưa sinh pháp ác thì ngăn chặn khiến cho không sinh; ba là phòng hộ đoạn, tức đã sinh pháp thiện, thì bảo hộ khiến cho được tăng trưởng; bốn là tu tập đoạn, tức chưa sinh pháp thiện thì tu tập khiến cho sinh. Trong bốn pháp này, nếu tinh tấn khởi dụng, có thể chánh thức đoạn trừ pháp ác, nên gọi là chánh đoạn, đối với pháp năng đoạn, khiến sinh mà chẳng sinh, thể đều là tinh tấn, cho nên gọi là chánh đoạn.

3. Thần túc, diệu dụng vô cùng gọi là thần, tức biến hóa, chỗ nương của tâm thần gọi là túc. Thể của nó là định, phân biệt gồm bốn loại là dục, cần, tâm và quán, từ bốn loại này mà tu tập định; định gọi là thần túc.

4. Năm Căn, phát sinh pháp thiện gọi là căn.

5. Năm Lực, khó có thể khuất phục được gọi là lực. Cả hai về thể đều có năm là tín, tấn, niệm, định, tuệ; tên tức là thể. Mới tu tập là tạo gốc thiện gọi là căn, sau khi tu tập thì khó có thể khuất phục nên gọi là lực.

6. Giác chi, giác tức tuệ, chi nghĩa là phần. Gồm hai loại: Một là, giác tức chi, tức là trạch pháp giác chi; hai là, các chi của giác, tức là

chi phần của sáu tuệ còn lại. Gồm có bảy món: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, niệm, định, xả, khinh an. Trong đó một biến hành là Hỷ giác chi.

7. Đạo chi, đạo tức tuệ căn của Thánh đạo vô lậu, chi tức là phần. Một là, đạo tức chi; hai là, các chi của đạo, gồm bảy pháp còn lại như trước có thể biết. Đạo chi gồm có tám pháp đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh niệm, Chánh định, Chánh tinh tấn. Trong đó Chánh tư duy lấy tuệ làm thể; nơi tâm Phật không có tầm tứ, không có sân và si, phát ra nơi thân và lời nói, gọi là chánh ngữ chánh nghiệp. Vô tham phát ra nơi thân và lời nói, gọi là chánh mạng. Vì đối với năm loại tà mạng cho nên phải nêu riêng. Ba loại thuộc thân và ngữ này đều lấy tư vô biểu sắc làm thể tánh.

Luận về thể tánh: Ba mươi bảy pháp gồm có chín thể: Tuệ, tinh tấn, định, tín, niệm, hỷ, xả, khinh an và vô biểu sắc. Vì thế luận Du-già năm mươi bảy ghi: “Năm căn như tín... không thuộc vào ba mươi bảy phẩm. Thế nào gọi là sáu pháp; đó là: Hỷ, khinh an, xả, ngữ, nghiệp và mạng; ngữ nghiệp và mạng tức vô biểu”. Trong chín thể tánh này thì có một biến hành là hỷ, ba biệt cảnh là niệm, định, tuệ; bốn thiện là tín, tinh tấn, xả, khinh an; một sắc pháp là vô biểu sắc. Đây là nói theo giai vị Phật, nếu chẳng theo giai vị Phật thì lấy mười pháp làm thể. Thành Duy Thức nói Chánh tư duy là Tầm vô lậu. Luận có hai thuyết nhưng đây là nghĩa chính.

Luận về giai vị tu tập: Niệm trụ, chánh đoạn và thân tức, tức lúc mới tu tập, ở tại giai vị giải thoát phần thiện; năm căn ở vị noãn, đảnh; năm lực tại nhẫn và thế đệ nhất pháp; bảy giác chi tại vị kiến đạo, tám Chánh đạo tại vị tu đạo. Hữu lậu vô lậu: Căn cứ theo vị có thể biết, trước kiến đạo thì đều là hữu lậu, sau kiến đạo có thể thông với vô lậu, cho đến Phật vị mới chính là vô lậu. Nói rõ về tướng trạng thì như luận Đối Pháp đã ghi.

Kinh: *Tu hồi hướng độ... các đức trang nghiêm.*

Tán: Đây là đoạn thứ bảy. Tu tập thiện pháp hồi hướng về Bồ-đề thì gọi là hồi hướng. Chẳng cầu sinh tử, cho nên khi đắc quả thì nước ấy sẽ có đầy đủ các đức trang nghiêm. Hồi hướng tức là nguyện, nguyện hướng đến Bồ-đề, đầy đủ các đức. Nguyện lấy tín, dục, thắng giải làm thể.

Kinh: *Khéo thuyết dứt trừ tám vô hà độ... vĩnh viễn xa lìa ác thú vô hà.*

Tán: Từ đây trở xuống có ba phen gọi chung là tịch tĩnh. Tịch tĩnh hai ác là tịch tám nạn tức là tịch quả ác và tịch Phạm cấm mười thiện

nghiệp, tức là tịch nhân ác. Đây là văn đầu tiên. Tám vô hà, xưa dịch là tám nạn. Luôn luôn chịu thống khổ không bao giờ tạm có giây lát nhàn rỗi để tu tập pháp thiện cầu Bồ-đề, cho nên gọi là vô hà (không nhàn rỗi). Tám vô hà là ba ác thú; đui, điếc, câm, ngọng bẩm sinh (tức các căn không hoàn toàn); người tà kiến, thế trí biện thông; sinh trước và sau khi Đức Phật xuất thế; sinh vào Bắc Câu-lô châu; sinh vào Trời Trường thọ, nghĩa là sinh vào cõi sắc, không thuộc hàng Thánh ở cõi trời. Theo luận Thành Duy Thức thì bốn luân của cõi trời và người có thể phá diệt tám nạn:

1. Trụ ở cõi thiện tức là sinh vào trung thổ trừ được năm nạn là ba ác thú, Bắc Câu-lô châu và trời Trường thọ.

2. Nướng vào người thiện, tức gặp Đức Phật xuất thế, trừ được một nạn là sinh trước và sau Phật xuất thế.

3. Phát chánh nguyện, nghĩa là có tâm chánh kiến, trừ được một nạn là thế trí biện thông.

4. Trồng gốc thiện, trừ được một nạn là mù điếc câm ngọng.

Vả lại tu năm hạnh thì cũng trừ được tám nạn này:

1. Thọ trì giới cấm, đối trị ba đường ác.

2. Thích thực hành bố thí pháp, trừ được nạn đui điếc câm ngọng.

3. Tin hiểu chân chánh, trừ được nạn thế trí biện thông.

4. Gần gũi bạn lành, trừ được nạn sinh trước và sau khi Phật xuất thế.

5. Sinh vào vùng trung thổ, trừ được nạn sinh vào Bắc Câu-lô châu và trời Trường thọ.

Bồ-tát thường thuyết bốn luân đầu tiên, hoặc thuyết năm hạnh sau mà dứt trừ tám nạn, cho nên khi đắc quả thì lia ba đường ác và tám vô hà. Vô hà là nói chung, ba đường ác là nói riêng.

Kinh: *Tự giữ gìn giới hạnh... không có danh từ phạm giới.*

Tán: Trong phần đoạn dứt nhân ác của phần tịch tĩnh dưới đây gồm có hai:

1. Đã thọ pháp thiện mà lại khởi ác.

2. Tánh tự đã ác.

Đây là lời văn đầu tiên. Giữ gìn giới chẳng thiếu sót, mình làm ác thì luôn luôn sám hối, người làm ác thì không chê trách, người làm việc thiện thì tán thán, cho nên khi đắc quả, ở cõi nước ấy còn không nghe đến danh từ phạm giới cấm, hà huống gì thấy có người phạm giới cấm.

Kinh: *Mười thiện nghiệp... sinh sang nước kia.*

Tán: Đoạn này nói về việc ngăn dứt tự tánh ác. Thập thiện nghiệp

đạo, được nêu lên ba môn để phân biệt: Nêu thể, giải thích danh, luận quả.

Nêu thể: Đầu tiên là ba nghiệp về thân như không sát sinh..., kế đến là bốn nghiệp về ngữ như không nói dối... sau cùng là ba nghiệp về ý như tham..., tất cả đều lấy tư làm thể. Vì thể của ba nghiệp đều là tư. Luận Thành Duy Thức ghi: “Bảy nghiệp đạo trước cũng lấy tư làm thể, không chỉ là ba nghiệp sau mới lấy tư làm thể”. Thân ngữ là biểu hiện về tư của ý, tức giả danh biểu nghiệp, tư này huân tập thành chủng tử. Giả danh vô biểu sắc nghiệp, thể của nó thật chẳng phải sắc. Luận Hiền Dươg ghi: “Hai sắc thân và ngữ, tánh của nó chẳng phải thiện ác, mà biểu hiện thiện ác, tức giả danh thiện ác, cho nên thể tức là tư. Tư có ba loại:

1. Thẩm lự tư, suy xét việc làm.
 2. Quyết định tư, quyết định sẽ làm.
 3. Động phát tư, chánh thức khởi động tác.
- Lấy loại thứ ba làm thể của nghiệp đạo.

Giải thích danh: Mười là số lượng, thiện nghĩa là thuận theo chánh lý lợi ích hữu tình, nghiệp tức sự tạo tác, đạo nghĩa là nơi đạo bước lên, có thể thông cho nghĩa sinh. Phân biệt về loại của tư này gọi là mười, thuận lý lợi vật gọi là thiện, thể hay tạo tác nên gọi là nghiệp. Luận Thành Duy Thức ghi: “Tư thứ ba là nơi đạo bước của hai tư trước, thông với nghĩa đươg lai sinh quả dị thực... cũng gọi đó là đạo. Đạo bước (Du lý) nghĩa là duyên lự dẫn phát, đồng với tạo thành nghiệp”. Luận Du-già sáu mươi ghi: “Tư là nghiệp mà chẳng phải là nghiệp đạo; sát sinh cho đến ý ngữ cũng là nghiệp mà chẳng phải là nghiệp diệt, tham nhuế, tà kiến là nghiệp đạo chẳng phải là nghiệp, vì thuộc tùy chuyển lý môn”. Đây là thuận theo Tát-bà-đa tuyên thuyết”. Luận Thành Duy Thức nói chân thật lý môn, vả lại kia cũng là chân thật lý môn. Ý của luận kia cho rằng nếu nghiệp đạo tư tạo tác chỗ du lý (đạo bước) thì có thể gọi là đạo. Tư thứ ba chẳng phải là chỗ du lý của nghiệp đạo tư, chẳng thể gọi tên đạo. Trong luận Thành Duy Thức chỉ nói Tư thứ ba là chỗ du lý của kia, thông với danh từ đươg quả, không trái với danh từ nghiệp đạo. Vả lại thân ngữ biểu nghiệp do tư phát sinh, giả gọi là nghiệp; nghiệp tạo tác, chỗ du lý của tư, giả danh là nghiệp đạo. Du-già căn cứ theo đây lại nói sát sinh cho đến ý ngữ cũng là nghiệp, cũng là đạo, kỳ thật chẳng phải là nghiệp mà có thể gọi là đạo, chẳng phải là năng tác. Về ba loại tà kiến thì đây kia không khác. Giải thích tên riêng mười loại này thì như giải thích mười ác có thể biết được, như

luận Du-già tám, chín đã nói. Luận về quả: Nghiệp đạo thiện hữu lậu thì được bốn phi ly hệ, nghiệp đạo thiện vô lậu thì được bốn phi di thực. Nếu giúp đỡ nhau mỗi mỗi sẽ có năm quả. Mỗi một phen thuyết mười nghiệp đạo ác theo lý có thể biết được. Trong đó nói mười nghiệp đạo thiện cực thanh tịnh nghĩa là nghiệp đạo vô lậu gọi là cực thanh tịnh mà chẳng phải là hữu lậu. Luận về khi thành Phật không có quả Di thực vì do hành trì giới chẳng sát sinh khi đạt được sau cùng thì thọ lượng quyết định; xa lìa trộm cắp (bắt dữ thú) cho nên được giàu sang. Hai quả nói trên đều thuộc về quả Đẳng lưu. Xa lìa dục tà hạnh cho nên có hạnh thanh tịnh, xa lìa lời nói hư dối cho nên được lời nói chân thật; xa lìa lời nói thô ác cho nên thường dùng lời nhu hòa, ba quả này là ba quả tăng thượng. Xa lìa lời nói ly gián cho nên được quyến thuộc sum họp, đây là quả Đẳng lưu, xa lìa lời nói tạp uế, cho nên khéo diễn bày mật ý, đây cũng là quả tăng thượng; xa lìa tham, sân tà kiến thì được ba quả còn lại, ba quả này đều thuộc về quả Đẳng lưu. Bốn nghiệp khác được quả tăng thượng nay hỗ tương căn cứ, như lý có thể biết được, sở văn dài dòng nên chẳng nêu lên, tất cả đều như luận Du-già tám, chín, năm mươi chín, sáu mươi, luận Đối Pháp bảy, luận Thành Duy Thức đã nói. Bản dịch xưa ghi: “Khéo giải hòa sự tranh tụng” là quả của nhân không có lời tạp uế. Khéo diễn nói mật ý, mật ý nghĩa là lý ẩn sâu nơi tâm, nếu trau chuốt văn từ, thì sẽ che lấp chánh lý. Lời chánh trực thì có thể diễn bày nghĩa lý, có thể lợi ích hữu tình, đây là quả của vô tham. Nếu tham dục khởi thì chẳng thể lợi ích hữu tình; chẳng tật đố, chẳng sân hận đều là quả của vô sân vì thế của tật đố tức là sân. Nếu căn cứ theo bản dịch mới thì không có nạn si.

Kinh: *Này thiện nam... thì có tịch tĩnh.*

Tán: Từ đây trở xuống là phần hai nói về trang nghiêm nhân tịnh độ và chỗ làm lợi ích. Trong đó gồm mười bảy chuyển, phân làm hai, đầu tiên gồm tám chuyển, nêu lên tương thứ tự triển chuyển của mười tám phen thực hành nêu trên; sau gồm chín chuyển tương nói về nghiêm nhân tịnh độ và thắng quả sinh khởi. Đây là văn đầu. Bản dịch xưa gồm mười ba chuyển, đầu tiên có bảy chuyển, nêu lên các phen luận ở trên, sau gồm sáu chuyển nói về nhân nghiêm tịnh độ sinh quả. Đoạn này có năm chuyển. Ngăn dứt (chỉ tức) tức hợp nêu lên sáu độ ở văn trước, tức ngăn sáu tệ; chuyển thứ sáu ở đây tức phát khởi, là hợp nêu các pháp ở trên như bốn vô lượng, bốn nhiếp sự, xảo phương tiện và Bồ-đề phần, vì đó là phát khởi sự ích lợi thù thắng của tự và tha. Chuyển thứ tám tức là tịch tĩnh tức hợp nêu ba tức, bốn vô hà, Tự thủ giới hạnh

và mười thiện nghiệp đạo, vì vắng lặng các pháp ác. Trong mười tám nhân thì thứ mười sáu là dứt trừ cõi vô hà, thứ mười bảy là tự thủ giới hạnh, trang nghiêm hai nhân này thì người không gặp thế giới ác; còn trang nghiêm mười sáu nhân còn lại thì khí thế gian không có người ác. Bản dịch xưa đầu tiên nói trực tâm, kế đến là phát hạnh, phát hạnh hợp với tâm tâm. Tâm tâm lẽ ra là tâm Đại thừa, nhưng vẫn lại lầm lẫn. Phát hạnh là thứ hai, đạo lý khó biết. Điều phục, tức là nêu lên sáu độ trước để điều phục sáu điều tệ hại. Như thuyết mà hành, tức là bốn vô lượng, bốn nhiếp sự, xảo phương tiện và đạo phẩm. Đây là bốn loại tu hành. Thứ bảy tức phương tiện, tức thuyết trừ tám nạn, tự thủ giới hạnh và mười thiện nghiệp đạo. Ba loại phương tiện thù thắng này làm vắng lặng pháp ác.

Kinh: *Tùy chỗ tịch tĩnh... nghiêm tịnh cõi Phật.*

Tán: Từ đây trở xuống là gồm chín chuyển nói về nhân trang nghiêm tịnh độ sinh ra quả thù thắng. Gồm có hai: Đầu tiên gồm hai chuyển nói về việc nhân trang nghiêm trước kia mà cảm quả tịnh độ; sau gồm bảy chuyển nói về thành tựu tịnh độ lại sinh quả thù thắng. Đây là văn đầu. Do nhân trang nghiêm trước kia mà cảm được chúng sinh thuần thiện, cho nên nói: “Do đó mà có hữu tình thanh tịnh, là ác tu thiện.” Đây là chỗ mà Bồ-tát vui thích mong cầu, là cõi Phật thanh tịnh của Như Lai, các hữu tình độ là cõi Phật. Trong có hữu tình độ thanh tịnh thì thế giới độ bên ngoài tự nhiên cũng thanh tịnh, vì tâm tịnh nên cõi Phật thanh tịnh.

Kinh: *Tùy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh... các công đức thắng diệu.*

Tán: Từ đây trở xuống là bảy quyển nói về việc cõi Phật đã thành lại sinh quả thù thắng. Trong đó được chia làm hai phần: Đầu tiên gồm một chuyển nói về quả lợi ích năng hóa; sau gồm sáu chuyển nói về quả lợi ích sở hóa. Ở đây gồm hai nghĩa:

1. Nghĩa chuyển pháp luân, tức xoay chuyển tương sinh, cho nên có hữu tình độ kia, cõi này đã nghiêm tịnh rồi thì liền có thể giáo hóa kẻ khác, cho nên có giáo pháp, giáo pháp để lập bày, thì hóa độ sinh diệu phước, sinh vào cõi trời, người, thọ nhận phước báu tốt đẹp, kế đó lại sinh ba diệu tuệ hữu lậu văn tư tu; diệu tuệ đã sinh thì trí vô lậu phát khởi, trí vô lậu đã khởi thì hạnh vô lậu sinh, hạnh vô lậu đã sinh, thì tám thức tâm đều thanh tịnh, thức tâm đã thanh tịnh thì đạt được quả viên mãn, đầy đủ vô lượng diệu đức. Như thế gọi là cõi Phật nghiêm tịnh.

2. Nghĩa có thể lập bày cho người khác. Cõi hữu tình kia đã ng-

hiêm tịnh rồi thì có thể dùng giáo mười Địa mà giáo hóa người khác. Cõi hữu tình thanh tịnh là mười Địa. Pháp giáo đã lập thì có phước vô lậu, đạt được các phước như quả Thập vương... sau đó lại sinh tuệ vô phân biệt, tuệ vô phân biệt đã sinh, thì lại sinh hậu đắc trí, hậu đắc trí đã có thì sinh hạnh vô lậu, hạnh vô lậu đã sinh thì tám thức tâm thanh tịnh, tám thức tâm thanh tịnh thì đầy đủ vạn đức, đạt đến thành Phật. Nguyên này do nhân nghiêm tịnh độ mà cảm sinh quả tịnh độ, quả tịnh độ đã cảm sinh rồi thì sinh quả thù thắng này. Bản dịch xưa chỉ nêu bốn chuyển thiếu hai loại là diệu phước và diệu hạnh; hợp trí và tuệ thành một chuyển.

Kinh: *Này các thiện nam... nghiêm tịnh tự tâm*

Tán: Đây là ý thứ hai trong phần Như Lai giải thích rộng nói về khuyên phát tâm nghiêm tịnh. Đầu tiên khuyên, sau giải thích.

Kinh: *Vì sao?... cõi Phật nghiêm tịnh.*

Tán: Đây là phần giải thích nguyên do. Các người tu hành, tự tâm nên nghiêm tịnh, thì bên ngoài sẽ cảm được hữu tình và khí thế giới cũng tịnh, nếu tự tâm chẳng tịnh thì làm sao cõi nước được tịnh? Vì thế tự tâm Bồ-tát thanh tịnh thì hữu tình năm uẩn giả cũng tịnh, nội tâm đã tịnh, bên ngoài cảm được hữu tình và thế giới cũng tịnh. Kinh Phật Địa ghi: “Tự tại cùng cực, tịnh thức là tướng. Cho nên khi thức tịnh thì cõi Phật liền tịnh”. Trên chỉ nói hữu tình là cõi nước, vốn là chỗ hóa độ, mà chẳng nói khí giới (thế giới). Cõi hữu tình tịnh thì khí giới tự tịnh, chẳng nói cũng tự thành tựu.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất... tạp uest như thế.*

Tán: Trong phần nói về nhân viên mãn có ba; từ đây trở xuống là ý thứ ba nói về quyết định. Trong đó gồm có bốn:

1. Ngài Thu Tử sinh nghi.
2. Bạc Thánh hiển dụ.
3. Phật hóa hiện cõi tịnh.
4. Ngài Thu Tử hết nghi.

Đây là văn đầu tiên. Theo lời dạy nghiêm tịnh tự tâm ở trên mà ở đây phát sinh nghi hoặc. Nếu tâm tịnh, hữu tình độ cũng tịnh, hữu tình độ tịnh thì khí thế giới tịnh (đây là lặp lại văn trước) thế thì tâm của Đức Thích-ca ta chẳng tịnh sao, mà cõi Phật lại tạp uest như thế? Vật tức là mặc (chớ nên, chẳng nên) ý câu này nói rằng chẳng lẽ do tâm của Đức Phật ta trước kia không tịnh, nên nay cõi Phật thành tạp uest thế kia ư? Tiếng Phạm Xá-lợi, Hán dịch là xuân anh, vì người mẹ có biện tài, nên lấy dụ làm tên, do bà sinh ra nên gọi là tử (con), Thu Tử nghe ít hiểu

nhiều, là bậc Thượng thủ trong hàng Thanh văn. Cho nên được Phật gia trì khiến phát khởi tâm nghi.

Kinh: Đức Phật biết tâm niệm ấy... như người mù chẳng thấy.

Tán: Đoạn này là nói về bậc Thánh hiệu dụ. Gồm có hai: Đầu tiên Đức Phật nêu dụ; lại có ba: Hỏi, đáp và trình bày. Đây là văn đầu.

Kinh: Đáp: Chẳng phải!... Chẳng phải lỗi của mặt trời, mặt trăng. Đây là lời Thu Tử đáp.

Kinh: Đức Phật nói: Đúng thế... mà ông chẳng thấy.

Tán: Đức Thế Tôn trình bày. Đầu tiên trình bày chung. Nói vì chúng sinh có tội nên chẳng thấy cõi Phật của ta nghiêm tịnh. Sau là nói riêng, dạy rằng cõi của ta nghiêm tịnh mà ông không thấy. Kinh Pháp Hoa ghi: “Ta thường trụ ở nơi đây, dùng sức thần thông khiến cho những chúng sinh điên đảo, tuy ở gần mà không thấy. Chúng sinh đã tin phục, ý ngay thẳng nhu hòa, một lòng muốn thấy Phật, chẳng tự tiếc thân mạng, bấy giờ ta và chúng tăng đều ra khỏi núi Linh Thứu. “Kinh lại nói rằng: “Cõi tịnh của ta chẳng hủy, mà mọi người thấy chày thiêu hết, lo sợ khổ não, như thế thấy đều đầy đầy. Các chúng sinh có tội này vì nhân duyên ác nghiệp nên a-tăng-kỳ kiếp chẳng nghe danh Tam bảo”, cho đến nói rộng ra... tức là việc này.

Kinh: Lúc bấy giờ, Phạm vương Trì Kế... nghiêm tịnh cùng tội.

Tán: Đây là Trì Kế nêu dụ. Văn gồm năm lớp:

1. Trì Kế nêu lên.
2. Ngài Thu Tử vấn tạt.
3. Trì Kế dùng dụ.
4. Ngài Thu Tử trình bày.
5. Dùng chánh lý hiển dụ.

Đây là đoạn văn đầu. Ngài chớ nên nghĩ rằng cõi nước không thanh tịnh, mà quốc độ này nay rất thanh tịnh. Bản dịch xưa có ba lớp, không có lớp thứ hai là hỏi, hợp với lớp thứ ba là dụ và đáp làm văn thứ nhất, văn sau cùng lại thiếu phần sai biệt.

Kinh: Xá-lợi Tử nói... cõi Phật này trang nghiêm thanh tịnh như thế nào?

Tán: Ngài Thu Tử hỏi về tướng của cõi Phật thanh tịnh.

Kinh: Phạm vương Trì Kế nói... cũng như thế.

Tán: Đây là Trì Kế nêu dụ, từ chữ trang nghiêm trở về trước là nêu ví dụ. Từ chữ ngã kiến (Tôi thấy) trở xuống là phần chánh thức hiển thị. Tầng trời thứ sáu của cõi Dục là trời Tha hóa tự tại, chư Thiên ở cõi trời này biến hóa ra các cảnh dục trần mà thọ dụng rất tự tại, đây là việc

tối thắng. Mượn đây làm ví dụ, tuy biết đó là dụ hữu lậu chẳng phải là dụ vô lậu. Vì nêu gần để dụ cho xa, khiến cho dễ hiểu.

Kinh: *Xá-lợi-phát nói... đây đây những tạp uế.*

Tán: Ngài Thu Tử trình bày, chỉ ra chỗ tạp uế thấy được, để hiển thị sự thanh tịnh đã nói ở trước.

Kinh: *Phạm vương Trì Kế nói... là không thanh tịnh.*

Tán: Từ đây trở xuống là dùng chánh lý để hiển dụ. Có hai: Đầu tiên cho rằng tâm kia chẳng tịnh cho nên thấy cõi uế; sau nói Bồ-tát tâm tịnh thì liền thấy cõi tịnh.

Đây là đoạn văn đầu. Tâm của ngài có cao thấp, các hạnh chẳng thanh tịnh, lại cho rằng trí Phật cũng có cao thấp, mà thấy cõi nước luôn luôn chẳng thanh tịnh. Cho nên các loài dị sinh và Nhị thừa đều thấy cõi nước chẳng tịnh.

Kinh: *Nếu các Bồ-tát... rất nghiêm tịnh.*

Tán: Đây là hiển ý nghĩa nếu tâm Bồ-tát tịnh thì liền thấy cõi tịnh. Nội tâm bình đẳng, công đức nghiêm tịnh; cũng lại cho rằng ý lạc của Phật đã thanh tịnh, thì liền thấy cõi Phật nghiêm tịnh. Cho nên cõi mà Bồ-tát Địa thứ mười thấy được thường thanh tịnh cùng cực. Bản dịch xưa đoạn văn này hơi khác: “Chẳng nương vào Phật tuệ”, mới nghe tin như chẳng tu Phật tuệ, nhưng thật ra là nói chẳng nương vào tuệ thanh tịnh bình đẳng của Phật, nghĩa là Phật tuệ không bình đẳng, cho nên thấy uế độ, nghĩa cũng không khác.

Kinh: *Bấy giờ, Đức Thế Tôn... vô lượng trăm ngàn báu vật trang nghiêm.*

Tán: Từ đây trở xuống là phần thứ ba nói về việc Phật hiện tịnh độ. Nghĩa cõi Phật, được phân làm tám môn để giải thích:

1. Hiển sai biệt.
2. Nêu thể tánh.
3. Luận nhân hạnh.
4. Nói quả tướng.
5. Thích phần lượng.
6. Giải xứ sở.
7. Cộng bất cộng.
8. Các môn biện.

1. Hiển sai biệt: Luận Phật Địa bảy ghi: “Thân Phật có hai là sinh thân và pháp thân; như tự tánh thân, tự thọ dụng thân đều gọi là pháp thân. Vì do các pháp công đức gom tập mà thành. Còn như tha thọ dụng thân và biến hóa thân đều thuộc về sinh thân, vì đó là tùy theo chỗ ư

thích của chúng sinh mà thị hiện. Tất cả các cõi Phật đều có thân cư trụ. Vậy thân đã có hai thì cõi cũng như thế, cõi của sinh thân chung cho cõi ược, cõi của pháp thân thuần là cõi tịnh. Hoặc cho rằng thân có hai là quyền và thật, thật tức pháp thân, quyền tức sinh thân. Cõi cũng có hai, ược tịnh cũng như đã giải thích ở trước. Kinh Phật Địa nói thân Phật có ba: Tụng rằng: “Tự tánh pháp, thọ dụng, biến hóa, sai biệt chuyển.” Luận lại giải thích rằng: “Tự tánh pháp, tức là thân tự tánh đầu tiên của Như Lai, thể không biến chuyển, cho nên gọi là tự tánh; đó là chỗ nương của các pháp công đức như lực, vô úy... nên cũng gọi là pháp thân. Thọ dụng tức là thọ dụng thân, vì có thể làm cho tự và tha. Thọ dụng tất cả các pháp lạc lớn. Biến hóa tức là biến hóa thân, tức là vì sự lợi ích an lạc của hữu tình mà thị hiện các việc biến hóa. Tuy thể tánh của pháp giới thanh tịnh không sai biệt, nhưng có ba thân khác nhau, chuyển biến bất đồng, cho nên gọi là sai biệt.” Thân đã có ba thì cõi nước tùy theo đó cũng như thế:

1. Pháp tánh độ.

2. Thọ dụng độ.

Hai cõi này chỉ thuần là tịnh.

3. Biến hóa độ, chung cho tịnh và ược.

Luận Thành Duy Thức mười nói: “Thân Phật có bốn, cõi Phật cũng thế.” Đó là:

1. Tự tánh thân nương pháp tánh độ. Kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức ghi: “Đức Bạc-già-phạm trụ ở pháp giới tạng mà thuyết kinh kia.” Tức trụ ở pháp tánh độ.

2. Tự thọ dụng thân nương ở cõi Tự thọ dụng độ.

3. Tha thọ dụng thân nương vào Tha thọ dụng độ. Kinh Phật Địa ghi: “Trụ ở viên mãn mười tám, ánh sáng rực rỡ thù thắng.”

4. Biến hóa thân nương Biến hóa độ, kinh này ghi: “Trụ ở thành Quảng Nghiêm.”

Ba thân độ đầu chỉ thuần là tịnh chẳng có ược. Thân độ biến hóa thứ tư thông cả tịnh và ược. Vì hàng Bồ-tát trước mười Địa và Nhị thừa mà thị hiện và cõi nước có cả tịnh và ược. Nếu vì người phân biệt phiền não và sở tri chướng chưa tận trừ, chưa chứng nhị không chân như thì thân và cõi nước thị hiện hoặc là tịnh hoặc là ược. Nếu vì người hai chướng phân biệt đã dứt trừ và đã chứng nhị không chân như thì thân và cõi nước thị hiện ra đều là tịnh. Luận Phật Địa ghi: “Ba thân có bốn câu: Một là, thọ dụng phi biến hóa nghĩa là tự thọ dụng thân; hai là, biến hóa phi thọ dụng, tức là biến hóa thân; ba là, cũng thọ dụng biến

hóa, tức tha thọ dụng thân; bốn là phi thọ dụng biến hóa, tức tự tánh thân. Cũng giống như Duy Thức.” Hội Thắng Thiên vương ba trong kinh Bát-nhã quyển năm trăm sáu mươi tám nói rằng, Phật có mười thân: Thân bình đẳng, thân thanh tịnh, thân vô tận, thân thiện tu, thân pháp tánh, thân ly tâm tứ, thân bất tư nghị, thân tịch tĩnh, thân hư không, thân diệu trí. Thiên vương bạch Phật rằng: ‘Ở giai vị nào thì được mười thân Như Lai?’ Đức Phật đáp: ‘Sơ địa được thân bình đẳng, thông đạt pháp tánh, xa lìa các tà vạy, thấy bình đẳng; Địa thứ hai đạt được thân thanh tịnh, xa lìa được lỗi phạm giới, vì giới thanh tịnh; Địa thứ ba được thân vô tận, vì lìa dục tham và sân, đắc định thù thắng; Địa thứ tư được thân thiện tu, vì thường tinh cần tu tập Bồ-đề phần, Địa thứ năm được thân pháp tánh, vì quán các đế lý chứng được pháp tánh. Địa thứ sáu được thân ly tâm tứ, vì quán lý duyên khởi xa lìa tâm và tứ. Địa thứ bảy được thân bất tư nghị, vì có phương tiện thiện xảo, trí và hành viên mãn; Địa thứ tám được thân tịch tĩnh, vì đã xa lìa các phiền não hý luận; Địa thứ chín được thân hư không, vì thân tướng vô tận, cùng khắp tất cả. Địa thứ mười được thân diệu trí vì tu tập Nhất thiết chủng trí viên mãn.’ Thiên vương lại hỏi: ‘Thân Phật và Bồ-tát há lại không sai biệt ư?’ Đức Phật đáp: ‘Thân thì không sai biệt, nhưng công đức thì khác nhau. Vì tất cả pháp đồng nhất pháp tánh cho nên thân không sai biệt, nhưng thân Như Lai có đầy đủ các công đức còn Bồ-tát thì không như thế cho nên công đức khác nhau’. Nói rất nhiều dụ để hiển thị việc này. Cho nên biết mười thân đều là pháp thân. Pháp thân căn cứ theo nghĩa đã có mười tên, vì thế chân như tùy theo các giai vị thù thắng đó mà có mười cõi: Biến hành, tối thắng, thắng lưu, vô nhiếp thọ, loại vô biệt, vô nhiễm tịnh, pháp vô biệt, bất tăng giảm, trí tự tại và nghiệp tự tại. Cũng tùy theo người chứng ngộ mà phân biệt thành mười cõi vì y theo nghĩa mà phân biệt. Luận Phậtojia ghi: “Các kinh khác nói có mười thân Phật. Như kinh Hoa Nghiêm ghi: Hiện đẳng giác Phật, hoằng thệ nguyện Phật, nghiệp dị thực Phật, trụ trì Phật, biến hóa Phật, pháp giới Phật, tâm Phật, định Phật, bản tánh Phật, tùy nạo Phật. Năm thân Phật trước thuộc thế tục đế, năm thân Phật sau thuộc thắng nghĩa đế. Tùy chỗ ứng hiện mà thuộc về ba thân. Và lại tùy theo tướng thô mà phối hợp với ba thân: Năm thân trước là hóa thân, hai thân kế là pháp thân, ba thân sau là thọ dụng thân. Đã có ba thân thì cũng có ba cõi, ý nghĩa cũng không khác. Luận Du-già bốn ghi: “lại có cõi Đại tự tại vượt trên cõi trời Tịnh cư, có Bồ-tát Địa thứ mười cư trụ. Vì đã huân tu rốt ráo Địa thứ mười cho nên được sinh vào đó”. Tức Hoa Nghiêm ghi: “Có cõi

diệu tịnh, vượt ngoài ba cõi, Bồ-tát Địa thứ mười sẽ sinh đó.” Cũng tức luận Thập Địa ghi: “Hiện báo lợi ích thì thọ nhận giai vị Phật, hậu báo lợi ích thì sinh vào cõi Trí Ma-hê-thủ-la”. Ma-hê-thủ-la là âm Phạm, tức Đại tự tại nói trong luận Du-già là Bồ-tát Địa thứ mười. Bồ-tát Địa thứ mười khi sắp thành Phật, thì sinh lên cõi trời Sắc cứu cánh ngồi trên hoa sen báu mà thành chánh giác, nên cảm được cõi này. Đã thành Phật rồi thì cõi nước biến thành vô biên, lại không có chỗ phân biệt. Luận Đối Pháp sáu ghi: “Lại có một thế giới thanh tịnh, chẳng thuộc khổ đế, chẳng phải do sức phiền não sinh, chẳng phải do sức tăng thượng của nghiệp phiền não khởi, mà do sức tăng thượng của thiện căn thanh tịnh của đại nguyện dẫn phát, chỗ sinh này bất khả tư nghị, chỉ có Phật mới biết được; chẳng phải là cảnh giới của người được tith lực huống gì là cảnh giới của tầm, tứ; đây là cõi Tự thọ dụng, chỉ có Phật mới biết, còn chẳng phải là cảnh giới của hàng Thập địa và Nhị thừa, huống gì là người còn tầm tứ chưa đạt Thánh vị mà có thể biết được ư? Tuy có các giáo khác nhau và như trên đã nói nhưng thân cõi bất đồng chẳng ngoài ba và bốn loại đã nêu ở đầu nhưng loại khác không cần giải thích, theo lý cũng có thể biết được.

2. Nêu thể tánh: Cõi tự tánh thân tức là lý chân như. Tuy thân và cõi, thể không sai biệt nhưng theo tánh tướng của Phật pháp thì khác, vì lấy nghĩa tướng làm thân, lấy thể tánh làm cõi (độ); lấy giác tướng làm thân, lấy pháp tánh làm cõi; thể đầy đủ hằng sa công đức chân lý. Phật thân độ này chẳng thuộc sắc, chẳng thuộc tâm tâm sở. Nhưng nếu căn cứ theo nghĩa nhất như và sai biệt thì tự thọ dụng thân lại nương vào tự độ, nghĩa là Viên cảnh trí tương ứng với tịnh thức, do khi xưa tụ tập nhân duyên thuần tịnh cõi Phật vô lậu tự lợi đã thành thực, nên khi mới thành Phật cho đến đời vị lai tương tục biến làm cõi Phật thuần tịnh, chỉ dùng vô lậu sắc uẩn, bốn trần sắc hương vị xúc tương tục gián đoạn và năm trần (thanh) làm tánh, thể đầy đủ các công đức sự tướng sắc pháp. Luận Đối Pháp nói: “Chỉ có Phật mới biết, còn chẳng phải là cảnh giới tith lực của người đạt tịnh lực, huống gì người còn Tầm tứ”, tức là cõi này. Thân tha thọ dụng lại nương vào tự độ, nghĩa là trí bình đẳng và sức Đại Từ bi, do xưa tụ tập nhân duyên thuần tịnh cõi Phật vô lậu lợi tha đã thành thực, tùy chỗ thích nghi của Bồ-tát Địa thứ mười mà biến thành tịnh độ; khí giới cũng lấy sắc uẩn vô lậu, bốn trần, năm trần làm thể tánh, giống như cõi nước của vua ở thế gian lấy hữu tình độ và khí thể giới làm thể tánh, lia hai loại này thì không có cõi nước của vua. Do đó mà tịnh độ của thân tha thọ dụng cũng lấy năm uẩn của Bồ-tát Thập địa và

cõi nước có bốn trần do vàng bạc tạo thành làm thể tánh. Điều này ở quyển thượng ghi: “Các hữu tình độ là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Tất cả Bồ-tát, tùy theo sự tăng trưởng lợi ích cho hữu tình mà liền nhiếp thọ cõi Phật nghiêm tịnh, cho đến nói rộng ra... Cõi thập thiện nghiệp đạo là cõi Phật của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, những hữu tình giàu có, Phạm hạnh cho đến được chánh kiến đều sinh sang nước kia”. Cho nên biết hữu tình và khí thế giới đều gọi là cõi Phật. Trì Kế nói: “Tôi thấy cõi Phật của Đức Thích-ca rất nghiêm tịnh lại có vô lượng công đức trang nghiêm.”, đây cũng là cõi Tha thọ dụng. Trì Kế là Bồ-tát Địa thứ tám. Kinh Pháp Hoa ghi: “Chúng sinh thấy kiếp tận, khi lửa mạnh thiêu đốt, mà cõi nước của ta vẫn an ổn, trời người đầy đầy”. Kinh Phạm Võng ghi: “Ta nay Lô-xá-na; ngôi trên tòa hoa sen, một hoa trăm ức cõi, mỗi cõi một Thích-ca”. Đây tức cõi Tha thọ dụng. Luận Tịnh Độ của Bồ-tát Thế Thân ghi: “Những người nữ, người các căn thiếu khuyết và hàng Nhị thừa chẳng sinh”, đều là cõi Tha thọ dụng. Về cõi Phật này nếu do Phật biến hóa ra thì nhất định là vô lậu, nếu do Bồ-tát biến hóa thì chung cho hữu lậu vô lậu; do thức thứ tám và năm thức trước biến hiện thì chung cho vô lậu. Hữu tình độ kia đều lấy công đức của năm uẩn làm tánh, nên khí thế giới độ này có đầy đủ mười tám viên mãn. Biến hóa thân Phật cư trụ ở tự độ, tức là thành sự trí và lực đại Từ bi, do xưa tu tập nhân duyên cõi Phật tịnh uest vô lậu lợi tha đã thành thực, tùy thuận hữu tình đã vào Sơ địa mà hóa hiện cõi Phật hoặc tịnh hoặc uest, như cõi Di-lặc thì tịnh, trong cõi Thích-ca thì kinh Thuyết Vô Cấu Xung nói: Khi Đức Phật chưa ấn chân trên đất, cõi đó uest chẳng phải là tịnh, khi ấn chân trên đất tạm thời khiến cho thấy tịnh.

Khi Phật thuyết kinh Pháp Hoa thì cõi Phật mười phương đều tịnh mà chẳng phải uest, khi chưa tập hội thì uest mà chẳng phải tịnh. Kinh Niết-bàn ghi: “Lúc bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới, do thần lực của Phật mà biến thành bằng phẳng, mềm mại, không có gò nổng, đá sỏi cũng thuộc về cõi biến hóa, tùy chỗ sinh thích hợp mà hiện cõi nước. Cõi này cũng lấy năm uẩn hữu tình và bốn trần khí thế giới... làm thể tánh. cõi Phật biến hiện chỉ là vô lậu, còn những cõi do hữu tình khác biến hiện thì chung cho hữu lậu vô lậu. Thức thứ sáu, thứ bảy và cõi biến hiện thì chỉ là hữu lậu, tuy có các báu vật trang nghiêm. Căn cứ theo pháp mà nêu thể, thì cõi bên ngoài chỉ là sắc, cõi bên trong là năm uẩn, vì hữu tình được hóa độ do năm uẩn tạo thành, hoặc tựa như có công đức, tựa như không có công đức.

3. Luận về nhân hạnh: Trên kinh có ghi: “Phát khởi tâm vô thượng Bồ-đề là cõi Phật nghiêm tịnh của Bồ-tát, khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề thì tất cả hữu tình phát tâm hướng đến Đại thừa, đều sinh sang nước kia. Thuần ý lạc, Thiện gia hạnh, Thượng ý lạc, sáu Ba-la-mật, bốn Vô lượng, bốn Nhiếp sự, Xảo phương tiện, ba mươi bảy Bồ-đề phần, tu hồi hướng khéo thuyết trừ tám Vô hà, tự thủ giới hạnh chẳng chê lỗi người, mười thiện nghiệp đạo, hợp ý thành mười tám loại cõi Phật nghiêm tịnh, tất cả đều là nhân tịnh độ. Văn kinh sau ghi: “Thành tựu tám pháp sinh sang tịnh độ”. Phẩm Hương Đài ghi: “Thế giới kham nhẫn, các chúng Bồ-tát, thành thực tám pháp, không hủy phạm, không tổn thương, mệnh chung nơi đây sẽ sinh sang tịnh độ. Tám pháp:

1. Suy nghĩ rằng: Ta đối với hữu tình nên làm các việc thiện, chẳng nên mong cầu thiện báo ở nơi họ.
2. Lại suy nghĩ: Ta nên thay thế cho tất cả hữu tình mà nhận chịu các khổ não, thiện căn của ta nên ban thí cho họ.
3. Suy nghĩ: Ta đối với tất cả hữu tình nên dùng tâm bình đẳng, tâm vô quá ngại.
4. Lại suy nghĩ: Đối với tất cả hữu tình, ta nên dẹp bỏ tâm kiêu mạn, kính thương họ như Phật.
5. Tín giải tăng thượng, đối với những kinh điển sâu xa chưa được nghe nhận, khi vừa nghe thì không nghi ngờ không hủy báng.
6. Đối với lợi dưỡng của người không sinh tâm tật đố, đối với lợi dưỡng của mình thì không sinh tâm kiêu mạn.
7. Điều phục tự tâm, thường xét lỗi mình, chẳng chê lỗi người.
8. Luôn không buông lung, nên thường tìm cầu pháp thiện tinh tấn tu hành pháp Bồ-đề phần.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rõ về các nhân quán sinh tịnh độ, cho đến hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, mười niệm thành thực, đều là nhân của tịnh độ. Luận Phật Địa Kinh và Nhiếp Đại thừa đều nói: “Hơn cả cõi do thiện căn xuất thế gian sinh khởi”, nên chỉ nói thiện căn vô lậu làm nhân. Tuy có các văn khác nhau như thế nhưng mỗi mỗi tùy chỗ hóa độ, cơ nghi khác nhau, mà nên như thuyết thực hành, chứ không nhất định như thế. Cho nên Đối Pháp luận ghi: “Chẳng phải do sức phiền não sinh, chẳng phải do nghiệp tăng thượng sinh khởi, nhưng lại do thiện căn thanh tịnh của đại nguyện dẫn phát.”

Tóm lại, nhân tịnh độ là:

1. Do thiện căn.
2. Do đại nguyện.

Nếu chẳng tu thiện căn thì tịnh độ không có nhân, chẳng phát đại nguyện thì tịnh độ không có duyên. Nếu đủ nhân duyên thì mới cảm được quả. Như thế gian có bạn giúp đỡ, yếu mền nhuần thấm, mới cảm được hai quả độ trong và ngoài. Cần phải tu hành, lấy nguyện làm tư lương thì mới được sinh vào cõi Phật. Nếu chẳng thế thì không được thấy Phật nghe pháp, sinh vào cõi Phật. Tổng tướng tuy như thế nhưng nhân thù thắng của bốn cõi Phật mỗi mỗi khác nhau: Pháp tánh độ, chỉ lấy trí vô phân biệt hai không làm nhân duyên; chứng lý pháp tánh chỉ do trí này. Tự thọ dụng độ chỉ lấy Hậu đắc trí lợi làm nhân duyên, vì chứng năm uẩn sự chỉ do trí này. Tha thọ dụng độ và Biến hóa độ chỉ lấy hậu đắc trí lợi tha làm nhân duyên. Kinh Bát-nhã ghi: “Trang nghiêm cõi Phật, trang nghiêm cõi Phật tức chẳng trang nghiêm cõi Phật, mới gọi là trang nghiêm cõi Phật, trang nghiêm cõi Phật”. Ngài Thiên Thân nói: “Trí tập thông Duy thức; như thế giữ tịnh độ; chẳng hình, đệ nhất thể, chẳng nghiêm và trang nghiêm,” nói rộng như thế, cũng đồng với nghĩa ở đây. Đây là nói cõi Phật và chúng sinh được hóa độ có nhân khác nhau. Pháp tánh độ, Bồ-tát Thập Địa cũng dùng trí vô phân biệt làm nhân duyên. Pháp tánh độ viên mãn, Bồ-tát mười Địa chẳng sinh, nhưng có phần chứng hội, nên Bồ-tát cũng chứng đắc như trước đã nói. Cho nên các luận đều nói: “Sơ địa trở về trước đã được sinh vào nhà Như Lai”. Tịnh pháp giới gọi là nhà Như Lai, chứng hội vào trong đó cho nên nói là sinh. Tự thọ dụng độ, mười Địa chẳng sinh, vì biết mà chẳng chứng. Cõi Tha thọ dụng lấy hậu sở đắc trí của Bồ-tát Thập địa làm nhân duyên, lấy vô phân biệt trí, gia hạnh trí... làm trợ nhân. Luận Phật Địa cũng nói: Vô phân biệt; giúp nhau để luận chung thì lý trí chẳng là nhân duyên sự. Như cõi Biến hóa, thì hàng phàm phu trước mười Địa dùng gia hạnh trí, Nhị thừa dùng hậu sở đắc trí làm Chánh nhân duyên. Các nghĩa đã nói ở trên đều là chánh nhân duyên, nếu gồm cả trợ nhân và duyên trợ giúp thì tùy thuận lý độ mà dùng sự hành và nguyện làm duyên trợ giúp. Nếu theo sự độ thì lấy lý hành và nguyện làm duyên hỗ trợ; sinh vào cõi hữu lậu, lấy vô lậu làm trợ duyên; sinh vào cõi vô lậu thì lấy hữu lậu làm trợ duyên; luận Đối Pháp ghi: “Chỉ lấy thiện căn của đại nguyện làm nhân mà được sinh khởi. Các giáo được nói ra có nhiều loại khác nhau đều tùy theo thời gian và cơ nghi mà thuyết, chẳng nhất định.” Kinh Vô Cấu Xưng nói: “Tám pháp chẳng thương tổn, được sinh vào tịnh độ”. Luận Phật Địa ghi: “Hơn cả cõi do thiện căn xuất thế gian sinh khởi”. Cả hai đều là nhân của cõi Tha thọ dụng. Kinh Vô Cấu Xưng ghi: “Phát khởi cõi tâm Bồ-đề ở cõi trời, cho

đến mười thiện nghiệp đạo, đều là tịnh tu cõi Phật; đây là nói chung cho hai nhân hữu lậu vô lậu trợ giúp nhau, sinh vào cõi Tha thọ dụng, cũng có thể nói chung là sinh vào cõi Biến hóa. Quán kinh nói các pháp quán và việc hiếu dưỡng cha mẹ... cho đến mười niệm đều là tịnh độ nhân, ở đây gồm hai nghĩa:

1. Theo Nhiếp Đại thừa luận thì Tây phương là cõi Tha thọ dụng, vì Quán kinh tự nói các Bồ-tát A-bệ-bạt-trí bất thoái mới được sinh về cõi ấy, chẳng thể dùng một ít thiện căn nhân duyên mà được sinh”. Luận tịnh độ của ngài Thiên Thân ghi: “Hàng nữ nhân, người thiếu khuyết các căn và hàng Nhị thừa thừa đều không được sinh về”. Luận Nhiếp Đại Thừa ghi: “Chẳng phải chỉ do sức nguyện mà được sinh vì đó là biệt thời ý, như dùng một đồng mà có được một ngàn đồng, thì ở một thời gian khác mới được chẳng phải hiện nay liền được. Mười niệm vãng sinh cũng như thế. Mười niệm làm nhân sau đó dần dần mới được sinh, chẳng phải do mười niệm sau khi chết liền được sinh. Vì muốn trừ người giải đãi chẳng tu thiện, khiến họ niệm Phật, nên nói nhân mười niệm sinh tịnh độ. Vả lại thuyết tướng bạch hào và thân lượng của Phật A-di-đà như năm núi Tu-di, chẳng phải là tha thọ dụng, đâu thể cho như thế? Kinh Quan Âm Thọ Ký ghi: “Sau khi Phật A-di-đà diệt độ, Bồ-tát Quán Âm, kế đó làm vị Bồ xứ mang hình Bồ-tát Địa thứ mười.” Nói sẽ làm bồ xứ, chẳng phải là tha thọ dụng thì đó là Phật nào?

2. Tây phương chung cho báo hóa. Văn kinh chứng minh cho Báo độ thì như trước đã nói. Đây là nói văn chứng minh cho Hóa độ. Kinh Cổ Âm Vương ghi: “Đức Phật A-di-đà có cha là Nguyệt Thượng, mẹ là Thù thắng Diệu Nhan, có con, có ma, cũng có Điều-đạt, có quốc thành”, nếu chẳng phải là Hóa thân thì đâu có việc này. Cho nên trong chín phẩm mà quán kinh đã nói có đủ A-la-hán, Tu-đà-hoàn... cho nên những người sinh sang đó có đủ ba thừa, quốc độ này chung cho hai cõi báo, hóa. Nếu căn cứ theo sự giải thích trước, thì đây là thân tha thọ dụng, thị hiện cũng có cha mẹ, vương quốc, thật thân thì không có, thật không có nữ, đường ác, kinh sợ... Trong chín phẩm vãng sinh thì A-la-hán... mượn tên kia mà gọi, chứ thật là Bồ-tát. Hai cách giải thích tùy theo tâm, lấy bỏ tùy theo ý.

4. Quả tướng: Kinh Phật Địa ghi: “Dùng tịnh thức tự tại cùng cực làm tướng”. Luận này lại giải thích rằng: “Dùng tâm Phật vô lậu làm thể tướng, vì chỉ có thức, chẳng thể lìa thức mà có quốc độ riêng biệt”. Nghĩa là pháp tánh độ tức pháp tánh tâm, không lìa tịnh thức tướng ứng với vô phân biệt trí. Nhưng thức có khác nhau, như cõi Tự thọ dụng tức

thức thứ tám, cõi Tha thọ dụng tức thức thứ bảy, cõi biến hóa tức năm thức trước, tùy chỗ thích ứng mà hậu sở đắc trí kia tương ứng với thức. Bồ-tát Thập địa thấy được cõi Pháp tánh và cõi Tha thọ dụng, ba thừa trước Thập địa thấy được cõi biến hóa, tất cả đều tùy chỗ thích ứng, chẳng lìa tịnh thức năng quán hữu lậu vô lậu của người thấy. Cho nên kinh này ghi: “Nếu muốn tinh cần tu tập nghiêm tịnh cõi Phật, thì trước nên dùng phương tiện nghiêm tịnh cõi Phật”. Luận Bát-nhã của Bồ-tát Thiên Thân ghi: “Trí tập thông duy thức, như thế giữ tịnh độ”, cho nên tu tập nhân quả của trí thì thức liền tịnh. Thức bên trong đã tịnh thì bên ngoài cảm được chúng sinh và quốc độ thế gian cũng đều thanh tịnh. Nói rộng như kinh đã ghi, cũng tùy thức sở ứng của người thấy, như đã nói ở trước, căn cứ theo đó cũng biết được.

5. Phần lượng: Luận Phật Địa và Duy Thức đều cho rằng cõi pháp tánh tuy chẳng thuộc sắc, chẳng thể nói đến hình lượng của nó là lớn hay nhỏ, nhưng nếu căn cứ theo sự tướng thì hình lượng của cõi này vô biên, ví như hư không cùng khắp. Cõi Tự thọ dụng thì kinh Thập Địa nói rằng Bồ-tát Địa thứ mười được sinh vào cung trời Đại tự tại, có hiện mười quả tướng, có tòa hoa sen báu lớn, chu vi bằng số vi trần trong a-tăng-kỳ trăm ngàn tam thiên đại thiên thế giới. Bồ-tát Địa thứ mười ngồi trên tòa này mà thành chánh giác. Thành Phật rồi thì tận đến đời vị lai tương tục biến thành cõi Phật thuần tịnh, chu vi vô biên. Các báu vật trang nghiêm, tùy theo lượng của cõi pháp tánh vô biên. Cõi Tha thọ dụng thì tùy theo cơ nghi của Bồ-tát Địa thứ mười mà hiện, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc hơn, hoặc kém, trước sau biến chuyển. Kinh Phạm Võng ghi: “Ta nay Lô-xá-na, ngồi trên tòa hoa sen, một hoa trăm ngàn cõi, mỗi cõi một Thích-ca”. Nhiếp Luận ghi: Bồ-tát Sơ địa ngộ một trăm môn, thấy một trăm cõi Phật, một cõi Phật có tam thiên thế giới, trong tam thiên thế giới có một trăm ức tứ thiên hạ, mỗi một tứ thiên hạ có một hóa Phật, trong tam thiên thế giới có một trăm ức hóa Phật. Bồ-tát Sơ địa thấy thọ dụng thân của một trăm ức hóa Phật, thọ dụng thân này ngồi trên tòa hoa sen báu lớn, hoa có một trăm cánh, mỗi một cánh tức tam thiên đại thiên thế giới. Một thọ dụng Phật tên là Lô-xá-na, trăm ức Hoa Phật tên là Thích-ca chẳng lìa một thân Lô-xá-na có chung Thích-ca.

Bồ-tát Địa thứ hai thấy một thọ dụng Phật ngồi trên hoa sen ngàn cánh, cho đến Bồ-tát Địa thứ mười thấy Phật lớn cùng cực, hoa sen cũng vô biên. Vả lại trong Địa thứ hai thì thấy được mười thọ dụng thân Lô-xá-na mà Sơ địa đã thấy, cho đến Địa thứ mười thì thấy được vô lượng

thọ dụng thân Lô-xá-na mà Địa thứ chín đã thấy. Vô lượng hóa thân Thích-ca, nơi đại thiên thế giới, số lượng Đức Phật tuy nhiều nhưng không lia hóa của Thích-ca, cho nên gọi là một sở hóa của Phật. Vả lại trong Tiểu thừa chỉ nói một Phật, không có nhiều hóa thân, và cũng tùy theo căn cơ của họ mà hiện một Phật. Hoặc ở tư lương đạo thấy một bốn thiên hạ có một vị Phật chủ tôn; ở Gia hạnh đạo thấy tam thiên giới có một Phật chủ tôn. Sơ địa trở lên thì dần dần tăng, cho nên cõi Tha thọ dụng, có hình lượng không định.

6. Giải xứ sở: Cõi Biến hóa thì hoặc là tịnh hoặc là uế, hoặc nhỏ hoặc lớn, trước sau biến chuyển, cũng không có hạn lượng nhất định, tùy theo chỗ thích ứng của chúng sinh mà nhất thời xuất hiện. Kinh Vô Cấu Xưng nói rằng: Đức Phật ấn ngón chân trên đất thì đại thiên giới liền biến thành thanh tịnh. Vô Cấu sắp đến thì trước biến thành Tỳ-da thanh tịnh. Khi thuyết kinh Pháp Hoa thì đầu tiên biến cõi đại thiên; kế đó biến mười phương, mỗi mỗi đều có hai trăm ức cõi Phật trở thành thanh tịnh, sau cùng lại biến một lần nữa. Cho nên biết lớn nhỏ tùy thời chẳng định được. Kinh Anh Lạc nói: “Tỳ-lô-giá-na Phật là pháp thân, Lô-xá-na Phật là thọ dụng thân, Thích-ca Mâu-ni Phật là hóa thân”, cho nên nói như thế, chỗ thứ sáu tức là cõi Pháp tánh tức lý chân như, không có cõi nào khác.

Cõi Tự thọ dụng cũng đầy cả pháp giới, lại không có cõi nào khác. Cõi Tha thọ dụng, thì kinh Phật ghi: “Vượt khỏi chỗ sở hành của ba cõi”. Luận này giải thích: “Chẳng phải là chỗ chấp thủ của ái ở ba cõi, cho nên lia hai ở duyên phược tương ứng, tùy tăng mà nói vượt trên ba cõi, thuộc về tánh thiện của Đạo đế”. Có ba cách giải thích, mỗi mỗi đều khác nhau, có thuyết nói ở trời Tịnh cư, có thuyết nói ở Tây phương, có nghĩa nói đồng xứ sở, chu vi tịnh độ không có bờ mé, khắp cùng pháp giới. Nếu theo Phật nghĩa thì cõi Tự thọ dụng biến khắp thế giới, không nơi nào không hiện, chẳng diễn bày, lia ba cõi, tức ba cõi. Cõi Tha thọ dụng hoặc tại trời Tịnh cư ở cõi Sắc hoặc ở Tây phương... nơi chốn không định. Kinh Pháp Hoa cũng nói: Chúng sinh thấy kiếp tận, khi lửa mạnh thiêu đốt, mà quốc độ này của ta vẫn an ổn, trời người đầy dẫy”. Cõi mà Bồ-tát Thập địa thấy là Báo độ, cõi mà hàng trước mười Địa thấy là Hóa độ. Tùy nghi mà hiển hiện, đâu thể định nơi chốn, chỉ riêng ra một cõi? Muốn khiến cho chúng sinh khởi tâm ham thích nên mới chỉ ra một cõi, tùy nơi tâm tịnh, tức nơi cõi tịnh. Hóa độ thì phải tùy theo nơi chốn của ba cõi, thuận vật lợi sinh mà hiển hiện. Người xưa đối với việc này cũng có nhiều cách giải thích phân biệt. Nếu ngoài ba cõi

có một nơi chốn riêng mà cho là tịnh độ, thì chẳng đúng lý, vì người hóa độ ắt phải còn dị thực thức, còn dị thực thức ắt thuộc về giới, đâu thể ra khỏi giới, nhưng do chẳng bị giới trói buộc, nên nói là vượt trên ba cõi. Chứ chẳng phải xứ sở có khác, vì tùy thuận chỗ hóa độ vậy.

7. Cộng và bất cộng: Luận Thành Duy Thức ghi: “Pháp tánh độ kia đồng là chỗ chứng ngộ của tất cả Như Lai, thể không sai khác. Cõi Tự thọ dụng tuy tất cả Như Lai mỗi mỗi biểu hiện khác nhau, mà đều vô biên, không chướng ngại nhau, hai cõi kia thì tùy theo hữu tình được Như Lai hóa độ mà có cộng và bất cộng. Sở hóa cộng tức là cùng một nơi đồng một thời gian, tùy thuận chư Phật mà mỗi mỗi biến hiện cõi nước, hình trạng giống nhau, không ngăn ngại nhau, xoay vần xen lẫn làm tăng thượng duyên cho nhau, khiến cho tự thức của chúng sinh được hóa độ biến hiện, cho rằng trong một cõi có một thân Phật, hiện thân thông thuyết pháp làm lợi ích. Chúng sinh ở cõi này nghe Phật Thích-ca, Di-lặc, Di-đà, nên các Đức Phật này liền cùng biến hiện. Đối với bất cộng thì chỉ một vị Phật biến hóa. Các loài hữu tình từ vô thủy đến nay, có chủng tánh pháp nhĩ, lại lệ thuộc vào nhau, hoặc nhiều lệ thuộc một, hoặc một lệ thuộc nhiều, như Đức Phật Đế-sa, làm cho Bồ-tát Thích-ca vượt chín kiếp... cho nên chúng sinh được hóa độ có cộng và bất cộng. Nếu chẳng thế thì nhiều Đức Phật trụ lâu ở thế gian, các việc làm lao khổ lại thành vô ích, vì một Đức Phật làm lợi ích tất cả chúng sinh. Do đó mà cõi Biến hóa và Tha thọ dụng này có cộng và bất cộng.

8. Các môn: Gồm có mười:

1. Chủ tên của cõi.
2. Phụ dực.
3. Quyển thuộc.
4. Nhậm trì.
5. Sự nghiệp.
6. nhiếp ích.
7. Vô úy.
7. Du lộ.
9. Sở thừa.
10. Nhập môn.

1. Chủ: Kinh Phật Địa ghi: “Nơi trụ của Như Lai là các cõi Phật, chư Phật làm chủ, vì thù thắng nhất, chẳng phải là nơi cư trụ của các loài khác. Chỉ thuộc Thế Tôn, hoặc chỉ do Thế Tôn nhiếp thọ, mà chẳng phải ai khác. Tức ba thân Phật, mỗi mỗi ở nơi cõi của mình mà làm chủ, chẳng phải là ai khác”. Nghĩa là thể tánh của cõi pháp tánh là một,

pháp thân là chủ. Cõi Tự thọ dụng tuy biến khắp pháp giới, mỗi mỗi đều tự biến hiện nên gọi tự là chủ, chẳng chướng ngại nhau. Cõi Tha thọ dụng và cõi Biến hóa, tuy do chư Phật biến, nhưng chỉ có nhất hợp tướng. Vả lại một thân tướng, mỗi mỗi tùy theo chỗ nhiếp thọ mà làm chủ, cũng không chướng ngại nhau.

2. *Phụ dục*: Cõi Pháp tánh và cõi Tự thọ dụng chỉ có Phật cư trụ mà không có hàng phụ trợ. Bồ-tát Thập địa tuy phần chứng, chẳng phải là phụ trợ của pháp thân, pháp thân vô tướng, chẳng thể luận nói. Về cõi Tha thọ dụng thì kinh Phật Địa ghi: “Các chúng Bồ-tát vân tập đến”. Nghĩa là cõi tịnh này thường có vô lượng Đại Bồ-tát Tăng đến phụ trợ, cho nên không có oán địch làm trái nghịch tổn hại. Chư Phật Từ bi, từ nơi tự thức của các ngài, tùy theo cơ nghi của các Bồ-tát mà hiện các cõi thô hoặc diệu, còn trên tự thức của Bồ-tát tùy theo sức nguyện thiện căn của mình mà hiện tướng cõi Phật giống như Phật hóa sinh ra. Tuy tự tâm mỗi mỗi đều biến hiện khác biệt, nhưng lại cùng tại một nơi, hình tướng giống nhau, nghĩa là một cõi cùng tụ hội trong đó. Luận Phật Địa ghi: “Như thế, tịnh độ do Bồ-tát mười Địa biểu hiện ra như thế, là hữu lậu hay là vô lậu? Lược có ba nghĩa: Một là, nghĩa vô lậu, do sức nguyện của chúng tử vô lậu tư trợ, nên biến sinh tịnh độ, trong đó thọ dụng pháp lạc Đại thừa, chứng chân như, được chân vô lậu, thường thấy chư Phật, cho nên thuộc Đạo đế; hai là, nghĩa hữu lậu, nghĩa là trong tự tâm có thêm sức nguyện của chúng tử hữu lậu tư trợ, cho nên biến sinh tịnh độ, trong đó thọ dụng pháp lạc Đại thừa. Địa thứ bảy về trước còn phiền não hiện khởi, Địa thứ mười còn phiền não tu đạo và chúng tử sở tri chướng; nơi thể của thức thứ tám, hay giữ gìn các loại này, vì hiện hành bị huân tập, còn thuộc về hữu lậu vô ký, cho nên chẳng phải là vô lậu. Vả lại hữu tình chẳng thể có hai thật tâm, vậy thân đã hữu lậu thì cõi tịnh nương gá làm sao vô lậu? Cho nên chỉ thuộc về Khổ đế. Nghĩa như thật, Bồ-tát mười Địa, trên tự tâm biến hiện tịnh độ thì gồm có hai: Do thức thứ tám biến, chỉ là hữu lậu, hữu lậu thuộc về tướng. Phần của thức thứ tám, là sở y của thân hữu lậu. Tuy được sức thiện vô lậu giúp đỡ huân tập tướng diệu tịnh kia, nhưng hữu lậu tùy gia tịnh này biến hiện cũng như thế. Như ảnh tượng của tịnh độ tùy Hậu đắc vô lậu tâm biến hiện, thì thuộc về tướng phần của thức vô lậu, vì từ chúng tử thiện vô lậu sinh, thể là vô lậu, thuộc về Đạo đế, Biến hóa độ thì ba thừa đồng tụ tập, là chỗ vân tập của Thánh nhân Nhị thừa, Bồ-tát và phàm phu, cõi do Phật biến hiện chỉ là vô lậu; cõi do các giai vị khác biến hiện thì nghĩa chỉ là hữu lậu. Vì Hậu đắc trí vô lậu chẳng thể biến

ra tướng tịnh độ. Lại có nghĩa cũng vô lậu, hậu đắc trí vô lậu tùy sức duyên tăng thượng do Phật biến hiện, nên có thể biến ra sự tướng. Lý chẳng trái nhau, cho nên cách giải thích này thích hợp nhất.

3. *Quyển thuộc*: Kinh Phật Địa ghi: “Vô lượng trời, rồng, người và phi nhân, thường theo hầu”. Cõi Pháp tánh và cõi Tự thọ dụng không có chúng phụ trợ vì vô tướng như trước đã nói. Cõi Tha thọ dụng chỉ có trời người làm quyển thuộc, không có các loại khác. Tuy vượt ba cõi, không gì bằng, nhưng cũng thuộc ba cõi. Tịnh thức như thế nhiếp thọ sự biến hiện là trang nghiêm tịnh độ, cho nên chẳng trái nhau, hoặc vì thành thực cho hữu tình được hóa độ mà thị hiện các chủng loại biến hóa như thế. Ví như vì điều phục vua Kiếp-tì-nô mà hiện vô lượng chúng Chuyển luân vương có quyển thuộc vây quanh, hoặc Phật tự hóa, hoặc các Bồ-tát hóa các loại này, trụ trì ở tịnh độ, trang nghiêm cúng dường, dẫn dắt chúng phương khác, theo hầu Như Lai. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói đến chim Mạng mạng... đều là do Đức Phật A-di-đà biến hóa ra việc hóa ra Nhị thừa trang nghiêm tịnh độ, cũng như thế. Trong cõi biến hóa cũng có tám bộ chân thật làm phụ tá, trong cõi Tha thọ dụng thì Bồ-tát là thật, Nhị thừa và tám bộ là quyền hiện, chẳng phải chân thật được sinh vào đó. Trong cõi biến hóa thì Nhị thừa và tám bộ là chân thật, Bồ-tát mười Địa đều là quyền tích. Bồ-tát Thập địa chẳng sinh vào cõi biến hóa, chỉ có quyền hiện hóa hình sinh vào trong đó.

4. *Nhậm trì*: Cõi pháp tánh không nhờ vào sự giữ gìn, cõi Tự thọ dụng do pháp lạc giữ gìn; cõi Tha thọ dụng thì kinh Phật Địa ghi: “Được hỷ lạc của pháp vị rộng lớn giữ gìn”. Tức Bồ-tát mười Địa, do hỷ lạc của pháp vị Đại thừa giữ gìn, ăn vào khiến có thể trụ nơi ấy đó là nghĩa tự tại giữ gìn (Nhậm trì). Đã vượt ba cõi, tánh là vô lậu, hay đoạn trừ hữu lậu, lẽ ra chẳng gọi là thực (thức ăn) nhưng đó là nhân của nhậm trì cho nên cũng gọi là thực; như pháp hữu lậu tuy chướng ngại vô lậu, nhưng giữ gìn pháp hữu lậu nên được gọi là thực. Vô lậu cũng thế, tuy đoạn hữu lậu nhưng giữ gìn vô lậu sao chẳng được gọi là thực? Hậu đắc diệu trí của chư Phật Bồ-tát, hay thuyết hay lãnh thọ pháp vị Đại thừa, sinh hỷ lạc lớn, có thể giữ gìn thân, khiến cho không đoạn dứt, trưởng dưỡng pháp thiện, cho nên gọi là thực. Địa thứ bảy trở về trước còn phần đoạn sinh chẳng thể không tư dưỡng bằng bốn loại thực là đoàn, xúc... Địa thứ tám trở lên và tất cả các Đức Phật, chẳng cần hoàn thực, nhưng có thể nói là còn có các loại thực khác tư dưỡng. Vì các luận thuyết muốn thị hiện thuộc về y chỉ trụ thực. Nếu cõi Biến hóa thì thật có bốn loại thực, và cũng lấy pháp vị làm thực (Thức ăn). Như nghe nói sáu mươi kiếp

trụ trong kinh Pháp Hoa. Nhưng phẩm Bồ-đề Phần kinh này nói: “Đã thực pháp bất tử, uống vị giải thoát. Dùng Niết-bàn bất tử làm thức ăn, nghĩa là diệu cảnh chứng ngộ, sinh nơi hỷ lạc, có thể gọi đó là thực. Hay giữ gìn pháp vô lậu nên đặt tên là thực cũng không trái nhau. Nhưng thể của thực này, các giáo nói khác nhau, rộng như biệt chương và Pháp Hoa sơ đã giảng.

5. *Sự nghiệp*: Pháp thân Phật hoặc chỉ có tự lợi là chỗ y cứ của hai thân, hoặc gồm cả hai lợi. Thân tự thọ dụng chỉ có tự lợi, thân tha thọ dụng và thân biến hóa thì chỉ thuộc lợi tha, vì người khác mà hiện. Kinh Phật Địa ghi: “Làm nghĩa lợi cho tất cả chúng sinh”. Đức Phật tuy đã tịch định, nhưng do trước tụ tập, nhờ sức hạnh nguyện, tự tại hay làm tất cả nghĩa lợi cho loài hữu tình’. Trong cõi Tha thọ dụng, phần nhiều thuyết diệu pháp, ít dùng thần thông, làm nghĩa lợi lợi ích cho Bồ-tát mười Địa, trong cõi Biến hóa phần nhiều dùng thần thông, ít thuyết pháp, làm tất cả nghĩa lợi lợi ích cho hàng Tam thừa.

6. *Nhiếp ích*: Tự tánh thân độ và tự thọ dụng đã đoạn viên mãn, không nói đến nhiếp phục lợi ích chúng sinh, còn tha thọ dụng có nghĩa nhiếp ích thì kinh Phật Địa ghi: “Diệt các phiền não tai hoạnh Triền cấu”. Các phiền não là Triền cấu, như thế nên gọi là nhân của các tai hoạnh. Trong đó không có phiền não triền cấu, tai hoạnh tạo ra cũng không có. Hoặc cho rằng phiền não tức mười phiền não phối hợp với kiến tu hoặc trong ba cõi thành một trăm hai mươi tám món. Triền có tám loại là vô tâm, vô quý, hôn trầm, thù miên, điệu cử, ố tác, tật, xan, cấu sáu món. Hại, hận, não, xiểm, cuống và kiêu. Tai hoạnh là chỗ phát nghiệp và quả báo của các món này. Trong sở tri chương thì chúng tử gọi là phiền não, hiện khởi gọi là triền cấu. Xa lìa hai loại này gọi là nhiếp ích. Như các lãnh chúa ở thế gian tuy không nhiếp ích, nhưng cũng chẳng gây tai họa. Đối Hộ cũng nói: “Chủ nhiếp ích ngã”; ở đây cũng như thế. Vả lại hiện chứng đắc thì được phước trí thù thắng xa lìa phiền não tai hoạnh triền cấu, cho nên gọi là nhiếp ích. Trong Hóa thân độ, bậc Thánh Nhị thừa cũng chỉ như thế. Phạm phu, Bồ-tát tuy chưa vĩnh viễn đoạn trừ, chế phục hiện hành nên có thể gọi là nhiếp ích. Trước mười Địa gọi là tổn lực ích vì hay chuyển đạo. Nhưng ở các giai vị này, phân biệt có hai chương. Trong tâm này dần dần chế phục, trong gia hạnh đạo thì nhanh chóng chế phục. Sơ địa thì đốn đoạn gọi là nhiếp ích, hai chương câu sinh, nơi đạo gia hạnh có thể dần dần chế phục được. Mười Địa tùy theo giai vị mà có thể dần dần đoạn được. Sơ địa trở lên có thể đốn phục tận, nên gọi là nhiếp ích.

7. *Vô úy*: Địa thứ bảy được vô úy, nghĩa là bên trong không tổn ích, ngoài không sợ hãi. Cõi Tự, Tha thọ dụng và Biến hóa, đã có vô úy từ lâu. Kinh Phật Địa ghi: “Xa lìa các ma”, ma tức bốn ma là nhân của sự sợ hãi, vì do đây mà hay sinh ra sợ hãi, Phật không có các việc này, cho nên không sợ hãi. Cõi Tha thọ dụng, Bồ-tát Thập địa đã xa lìa bốn ma không có năm loại bố úy, uẩn tử phiền não, thứ tự đoạn trừ, tùy theo đó mà luận, nghĩa có thể hiểu được. Trong cõi Biến hóa bậc Thánh ba thừa cũng từng phần xa lìa. Bồ-tát Thập trụ hiện tám tướng thành đạo chế phục thiên ma; trong đạo gia hạnh cũng có thể chế phục phiền não phân biệt, lìa phiền não ma. Thập Trụ thứ tư sinh vào Quý trụ xa lìa sinh tử, xuất ba cõi, từng phần xa lìa ma tử. Khi vào Sơ địa thì từng phần lìa phần đoạn tử, cũng gọi là từng phần lìa ma ngũ uẩn, vì thế cho nên được vô úy.

8. *Du lộ*: Địa thứ tám thì đạt Du lộ, kinh Phật Địa ghi: “Đại niệm, tuệ hành gọi là Du lộ”. Luận này giải thích rằng: “Đại niệm của các Như Lai là vô phân biệt trí, do niệm an trụ nơi lý chân như. Vô phân biệt trí là con đường mà cõi pháp tánh đạo bước. Đại Tuệ tức là Hậu sở đắc trí vì phạm biệt tướng của các pháp chân tục, là con đường của hai cõi Thọ dụng và Biến hóa. Hai pháp này có nghiệp dụng tăng thượng tạo tác tịnh độ. Cho nên đều gọi là hành, vì là con đường dẫn đến tịnh độ cho nên gọi là Lộ. Hoặc đại niệm hạnh là hạnh tự lợi, vì gồm nhiều vô ký, là con đường của cõi Pháp tánh và cõi Tự thọ dụng. Đại tuệ hạnh là hạnh lợi tha vì phân biệt ngoại cảnh, đây là con đường của cõi Tha thọ dụng và cõi Biến hóa. Trên là nói về Phật, bây giờ là nói về Đại niệm của Bồ-tát mười Địa, đó là văn tuệ, đại tuệ là tư tuệ và đại hạnh là tu tuệ. Ba tuệ này, tùy chỗ ứng hợp mà thân sơ giúp nhau, làm con đường (lộ) của cõi hữu lậu, vô lậu. Ba tuệ chung cho hữu lậu vô lậu. Như ở cõi Biến hóa thì hàng ba thừa trước Thập địa cũng lấy ba tuệ làm Du lộ. Tu tuệ của Nhị thừa cũng chung cho vô lậu; phàm phu Bồ-tát chỉ là hữu lậu cũng lấy đó làm Du lộ.

9. *Sở thừa*: Tức ngồi trên chiếc xe này (sở thừa) mà đi trên con đường kia. Kinh Phật Địa ghi: “Đại chỉ và Diệu quán làm sở thừa”, Chỉ là Tam-ma-địa tức Đăng trì, quán nghĩa là Ba-la-nhã, tức tuệ. Chỉ, quán chuyển vận cho nên gọi là sở thừa, lộ (con đường) là vị chung, chỉ quán trong vị gọi riêng là sở thừa. Ba thân Phật, hàng cõi trên đó mà vào ba cõi Phật, Bồ-tát mười Địa cõi trên đó mà vào cõi Tha thọ dụng, hàng Tam thừa trước mười Địa, tùy thuận vị trước mà cõi trên phẩm chỉ quán này vào tịnh độ. Nếu ở cõi uế thì chung cho Tán, định tuệ, lấy đó làm sở

thừa, nếu không như thế thì không cách gì mà sinh vào tịnh độ.

10. Nhập môn: Từ cửa nhập này mà cõi trên sở thừa kia để vào. Kinh Phật Địa ghi: “Đại không vô tướng, vô nguyện giải thoát là môn sở nhập”, giải thoát là Niết-bàn, diệu trí này gọi là môn; hoặc trí vô lậu gọi là giải thoát vì xa lìa sự trói buộc. Nhờ ba môn này mà vào tịnh độ. Lại có một nghĩa khác: “Nhân vô tướng môn mà vào cõi pháp tánh, quán pháp vô tướng, chứng chân như. Nhân nơi vô nguyện môn mà vào cõi Tự thọ dụng, vì không nguyện cầu sinh trong ba cõi. Nhân nơi không môn mà vào cõi Tha thọ dụng và Biến hóa, đạt hai vô ngã vào hai cõi”. Hoặc cho rằng ba môn đều vào ba cõi Phật. Luận thuyết về ba môn, hoặc mỗi mỗi quán riêng ba loại tự tánh, hoặc năng quán ba tánh, đây là luận theo Phật môn, nếu theo Bồ-tát thì nhân ba môn vô lậu này mà vào cõi Tha thọ dụng. Nếu theo Nhị thừa và trước mười Địa, thì cũng nhân ba môn vô lậu hoặc hữu lậu mà vào cõi Biến hóa. Còn phàm phu và Bồ-tát chỉ nhờ ba môn hữu lậu đẳng trí mà vào hóa độ, không gọi là giải thoát môn, vì chẳng thuộc vô lậu. Theo thật lý thì cõi Tha thọ dụng và Biến hóa đều có môn sự thừa du lộ... nhưng vì muốn cho loài hữu tình ưa thích thật đức, cho nên căn cứ theo hạnh mà thuyết. Cõi Pháp tánh và cõi Tự thọ dụng thì phần lượng vô biên, chẳng nói riêng các tướng có sự môn... cõi Tha thọ dụng đã có phần hạn, đều y vào hoa sen mà kiến lập. Kinh Phật Địa ghi: “Do hoa sen báu lớn kiến lập”. Quán kinh cũng nói: “Khởi tướng về huyền cổ (trống treo), có tòa hoa sen, cõi biến hóa chẳng định, hoặc có hoặc không. Chỉ cõi Phật này không có hoa sen, Phật hiện trong đó”. Theo văn thì gồm có ba:

1. Phật hiện.
2. Nêu ví dụ.
3. Hiện đại chúng nhìn thấy.

Đây là văn thứ nhất. Tâm Bồ-tát, xưa nay thấy tịnh, hàng Thanh văn thì ý kém cõi, chưa thấy cõi tịnh nên tạm biến tâm của hàng phàm phu, khiến cho họ thấy được cõi tịnh. Vì thế nhờ việc ấn ngón chân mà biến đại thiên. Đây là tịnh độ biến hóa để cho hàng phàm phu thấy mà thôi.

Kinh: *Thí như công đức... cõi bảo trang nghiêm.*

Tán: Đây là nêu ví dụ. Phật bảo trang nghiêm là thân tha thọ dụng. Cõi Bảo trang nghiêm là cõi vô lậu. Thân Phật chẳng đổi, chỉ có cõi nước biến thành tịnh. Nêu lên Báo độ kia để dụ cho Hóa độ, hoặc nhờ vào dụ để hiển. Việc Đức Phật nêu thân báu thì quốc độ cũng thế.

Kinh: *Tất cả đại chúng đều khen là việc chưa từng có, mà tự thấy*

mình ngồi trên tòa hoa sen.

Tán: Đây là nói về việc đại chúng thấy: Tạm biến tâm của đại chúng trở thành bình đẳng, cho nên thấy ngồi trên tòa sen, thấy cội nước cũng thanh tịnh, chưa bao lâu thì tâm được tịnh, nên khiến cho tạm thấy; lâu thì do hạnh mà thành tựu, không lâu thì do Phật khiến cho được.

Kinh: Lúc bấy giờ, Thế Tôn... các đức nghiêm tịnh cội Phật chẳng?

Tán: Phần thứ tư, Thu Tử dứt trừ được nghi. Có ba ý:

1. Chỉ cội nước mà hỏi.
2. Thu Tử hoan hỷ trả lời.
3. Nêu lý để trừ nghi.

Đây là lời văn thứ nhất.

Kinh: Xá-lợi Tử nói... nghiêm tịnh đều hiện.

Tán: Đây là Thu Tử hoan hỷ trả lời.

Kinh: Bảo Xá-lợi Tử... cội tạp uế.

Tán: Nói về lý để trừ nghi, theo văn gồm ba:

1. Bảo chung.
2. Lập dụ để chỉ bày.
3. Kết luận.

Đây là văn đầu. Chữ “cáo” (bảo) như nghĩa đã giải thích. Tâm ta thanh tịnh từ lâu, mà cội tịnh như thế, là vì thương xót hàng chúng sinh hạ liệt, tùy theo họ hiện ra cội kém xấu. Cội này vốn chẳng phải do ta trang nghiêm, là cội mà chúng sinh ba thừa đều nên thấy.

Kinh: Xá-lợi Tử... thức ăn khác nhau.

Tán: Đây là phần nêu dụ để chỉ bày cội trời Tam thập tam ở trên đỉnh núi Diệu cao, bốn mặt, mỗi mặt có tám vị trời, Đế Thích trụ ở giữa mà làm chủ. Xưa dịch: “Màu cơm”, sắc và kiến (thấy) đồng nghĩa.

Kinh: Như thế Xá-lợi Tử... chỗ thấy có khác.

Tán: Đây là phần kết luận. Vả lại đây là câu kết luận chung. cội Phật tuy đồng, chỉ là cội Thích-ca, nhưng tâm hữu tình khác, nên thấy tịnh uế khác. Tam thừa trước mười Địa thì thấy cội nước tạp uế, còn Bồ-tát Thập địa thì luôn luôn thấy tịnh.

Kinh: Nếu tâm người tịnh... diệu bảo trang nghiêm.

Tán: Kết luận riêng. Như có Trì Kế tâm tịnh, liền thấy cội tịnh.

Kinh: Ngay lúc Đức Phật hiện việc này... tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tán: Từ đây trở xuống là phẩm thứ tư của phẩm này, nói về lợi ích viên mãn. Văn gồm có hai:

1. Lợi ích Đại thừa.
2. Lợi ích Tiểu thừa.

Trong văn nói về lợi ích Đại thừa thì đầu tiên nói hai lợi ích, sau đó là thâm nhiếp thân tức. Đây là văn đầu tiên. Tại Sơ địa, mới đạt vô sinh; Địa thứ tám thì tự tại vô sinh, đã nghe nghiêm tịnh tức rõ được việc kia, chưa biết tịnh độ của Phật nay được vô sinh, cho nên vào Sơ địa. Hoặc vô sinh là được vào Địa thứ tám. Phát tâm có hai:

1. Mới phát tâm, tức mới vào Sơ địa.
2. Vô lậu phát tâm, tức chưa vào Sơ địa. Cho nên biết phát tâm là mới vào Sơ địa.

Kinh: [Bấy giờ, Đức Phật Thế Tôn... trở lại như cũ.]

Tán: Không biến cõi tịnh là để nêu lên đại ý; quả lớn đã đạt được ở đây, cho nên thu nhiếp thân tức; tuy cũng chứng quả nhỏ, nhưng chẳng vì đó mà hiện cõi tịnh, vì thế văn sau sẽ nói.

Kinh: *Câu Thanh văn thừa... khéo giải thoát.*

Tán: Đây là nói về lợi ích Tiểu thừa. Biết vô thường, thấy cõi nước chuyển biến, thuận lý vô thường, trái nghịch Khổ đế, văn này nói là kiến đạo. Xa trần tức vô gián đạo, đoạn chướng; lia cấu tức giải thoát đạo, vì lia cấu, chứng vô vi, đặc pháp trí, gọi là pháp nhãn tịnh. Vĩnh viễn xa lia các lậu, phiền não chướng trừ sinh tức lia sở duyên phược. Tâm khéo giải thoát tức lia tương ưng phược. Đó là nói về việc chứng đắc quả A-la-hán. Bản dịch xưa ghi: Chẳng thọ các pháp tức chẳng chấp thủ ngã và ngã sở, vì chẳng thọ quả sinh tử, ý giải tức là tâm giải thoát.

